

THÔNG BÁO

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Vũng Tàu kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp các hàng hoá, dịch vụ liên quan theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo danh mục đính kèm.
2. Địa điểm nhận: Bệnh viện Vũng Tàu, số 27 đường 2 tháng 9, phường 11, Tp. Vũng Tàu.
3. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: không quá 180 ngày.
4. Yêu cầu về giá chào: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
5. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày thông báo.
6. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Văn thư - Bệnh viện Vũng Tàu, số 27 đường 2 tháng 9, phường 11, Tp. Vũng Tàu.

Số điện thoại liên hệ: 03488 73446 – Dược sỹ Lê Thị Thanh Thảo

7. Yêu cầu về đơn vị báo giá: Đơn vị báo giá là một trong các tổ chức, cá nhân sau:

Chủ sở hữu số lưu hành thiết bị y tế;

Tổ chức, cá nhân được ủy quyền của chủ sở hữu số lưu hành thiết bị y tế;

Tổ chức, cá nhân đứng tên trên giấy phép nhập khẩu thiết bị y tế;

Tổ chức, cá nhân được ủy quyền của tổ chức, cá nhân đứng tên trên giấy phép nhập khẩu thiết bị y tế

Việc ủy quyền phải tuân thủ quy định của pháp luật về dân sự.

Các báo giá của các đơn vị không phải là các tổ chức, cá nhân nêu trên được xem là không hợp lệ và báo giá sẽ không được xem xét.

8. **Biểu mẫu chào giá:** theo mẫu đính kèm (các báo giá không đúng theo mẫu, không đầy đủ thông tin sẽ không được xem xét)

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có) hoặc hóa đơn giá trị gia tăng hoặc biên bản nghiệm thu đối với mặt hàng báo giá (nếu có)
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có)), hồ sơ chứng minh tiêu chuẩn chất lượng, giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế

Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá (Theo nghị định số 24/2024/NĐ-CP)

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Vật tư thiết bị y tế
- Phòng KHTH đăng Website BV: Mục mời thầu
- Website SYT: Mục mời thầu .



Giám đốc

Lâm Tuấn Tú

CÔNG TY:.....
ĐỊA CHỈ:
Số ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

(Đính kèm theo thông báo số /TB-BVVT ngày tháng năm 2025)

Kính gửi: Bệnh viện Vũng Tàu
Địa chỉ: Phòng Văn thư - Bệnh viện Vũng Tàu, số 27 đường 2 tháng 9, phường 11, Tp. Vũng Tàu
Theo Thông báo mời chào giá số/ TB-BVVT ngày tháng năm 2024 của Bệnh viện Vũng Tàu về việc mời chào giá, Công ty Chúng tôi trân trọng gửi tới quý Bệnh viện bảng báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa (Tên thương mại)	Tính năng kỹ thuật theo yêu cầu	Tính năng kỹ thuật đề xuất	Tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu	Tiêu chuẩn chất lượng đề xuất	Xuất xứ	Số lượng (có khả năng cung ứng)	ĐVT	Đơn giá đề xuất (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Ghi chú	Đơn giá đã bán cho các đơn vị y tế (Nếu có)	Số hóa đơn đã bán (nếu có) theo Đơn giá đã bán cho các đơn vị y tế (Nếu có)
1														
2														
3														

Báo giá này có hiệu lực từ ngày//đến ngày /...../.....

Chúng tôi cam kết:

- * Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- * Giá trị của các hàng hóa/dịch vụ nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- * Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
- * Không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá (Theo nghị định số 24/2024/NĐ-CP)

Các thông tin yêu cầu "nếu có" đơn vị có thể không phải thực hiện nếu không có thông tin, các thông tin còn lại bắt buộc phải thực hiện đầy đủ và chính xác

Ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

DANH MỤC HÀNG HÓA

Đính kèm thông báo số /TB-BVVT ngày tháng năm 2024

Gói 1: Vật tư y tế các loại						
STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Tính năng kỹ thuật
1	Nẹp đùi dài (Zimmer)	Gói/ 1 cái	Cái	300	ISO 13485	Được làm từ vải mút dệt kim, dây đai; thanh nẹp định hình bằng nhôm có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân và hệ thống dán xé. Gồm các số 1, 2, 3, 4,
2	Nẹp cổ cứng	Gói/ 1 cái	Cái	100	ISO 13485	Gồm có các số 1, 2, 3, 4. Nguyên liệu được làm từ EVA và khóa Velcro. Sản phẩm gồm 2 mảnh tách rời có các lỗ thông hơi và gắn kết với nhau bằng hệ thống dán xé.
3	Nẹp cổ mềm	Gói/ 1 cái	Cái	12	ISO 13485	Gồm các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10. Giúp cố định nhẹ nhàng và hạn chế cử động. Được làm từ mút xốp mềm có các lỗ thoáng khí, vải cotton và khóa Velcro. Chứng
4	Nẹp cẳng tay dài (Trái - Phải)	Gói/ 1 cái	Cái	300	ISO 13485	Được làm từ vải dệt kim, dây đai; băng nhám dính và nẹp hợp kim nhôm. Gồm các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Chiều dài của số 1 dài 16cm, số 2 dài 18cm, số 3 dài 20cm, số
5	Nẹp ngón tay 03 chân	Gói/ 1 cái	Cái	300	ISO 13485	Được làm từ nhôm dễ uốn cong nhưng chắc chắn và lớp xốp mềm, thoáng khí. Dùng để giữ cố định các khớp ngón tay. Có chứng nhận ISO 13485.
6	Đai Desault (Trái - Phải)	Gói/ 1 cái	Cái	250	ISO 13485	Gồm các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10. Được làm từ vải không dệt, êm, mềm, có lỗ thoáng khí và khóa Velcro. Có chứng nhận ISO 13485.
7	Đai xương đòn	Gói/ 1 cái	Cái	400	ISO 13485	Gồm các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10. Thiết kế giống số 8 với phần tiếp xúc xương đòn lớn, nhẹ dẫn khí qua nách bệnh nhân. Được làm từ vải cotton, mút xốp và khóa
8	Đai cột sống	Gói/ 1 cái	Cái	800	ISO 13485	Gồm các số 5, 6, 7, 8, 9, 10. Được làm từ vải mút dệt kim, dây đai, dây thun, thanh nẹp định hình bằng nhôm có thể uốn cong và hệ thống dán xé. Có chứng nhận ISO
9	Nẹp Iseline	Gói/ 1 cái	Cái	400	ISO 13485	Được làm từ hợp kim nhôm có thể uốn cong và một lớp mút xốp mềm bên trong. Có chứng nhận ISO 13485.
10	Ống thông dạ dày	Gói/ 1 cái	Cái	6.000	ISO 13485	Gồm các số 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18. Dây có chiều dài 120cm. Dây làm bằng chất liệu PVC. Ống trơn láng, mềm dẻo. Đã được tiệt trùng bằng EO. Chứng nhận ISO 13485
11	Ống thông nội khí quản không bóng (2.5 mm - 5.0 mm)	Gói/ 1 cái	Cái	100	ISO 13485	Loại không bóng có các số: 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm. Ống được làm từ nhựa PVC, trong suốt, mềm mại và trơn láng. Có đường cân quang dọc
12	Ống thông nội khí quản có bóng (2.5mm - 8.5 mm)	Gói/ 1 cái	Cái	3.000	ISO 13485	Loại có bóng có các số: 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.0mm, 6.5mm, 7.0mm, 7.5mm, 8.0mm, 8.5mm. . Ống được làm từ nhựa PVC, trong
13	Ống thông tiêu 1 nhánh	Gói/ 1 sợi	Sợi	600	ISO 13485	Được làm từ mù cao su tự nhiên, màu vàng, trắng silicone. Số 8Fr-10Fr dài 270mm, số 12Fr-30Fr dài 400mm (thông số cố định sai số là ±5%). Đã được tiệt trùng. Chứng
14	Ống thông tiêu 2 nhánh	Gói/ 1 cái	Cái	8.000	ISO 13485	Làm bằng cao su thiên nhiên phủ silicone, 2 nhánh. Mã hóa màu để nhận dạng kích cỡ. Gồm có các số 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30. Số 6 dài 270mm, thể
15	Ống thông tiêu 3 nhánh	Gói/ 1 cái	Cái	30	ISO 13485	Ống thông tiêu 3 nhánh phủ silicone giúp thông tiêu hiệu quả và hạn chế khả năng tắc nghẽn. Có các số từ 16 đến 26. Dài 400mm. Có chứng nhận ISO13485
16	Ống thông hậu môn	Gói/ 1 sợi	Sợi	300	ISO 13485	Được làm từ nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng, màu sắc trong suốt, đầu bịt kín có 2 mắt bên. Đã được tiệt trùng bằng EO. Chứng nhận ISO 13485
17	Ống thông đường mật (sonde chữ T)	Hộp/10 Cái	Cái	30	ISO 13485	Được làm từ mù cao su tự nhiên, phủ silicone. Đã được tiệt trùng bằng EO. Có chứng nhận ISO 13485
18	Ống mở khí quản	Gói/ 1 cái	Cái	100	ISO 13485	Loại có bóng. Gồm các số 6, 6.5, 7, 7.5, 8. Được đóng gói riêng lẻ. Có chứng nhận ISO 13485
19	Dây dẫn lưu nước tiểu (sonde Pezze/Malecot)	Hộp/10 Cái	Cái	30	ISO 13485	Được làm từ mù cao su tự nhiên, phủ silicone, dài 400mm. Đã được tiệt trùng bằng EO. Chứng nhận ISO 13485

20	Dây hút nhót	1 sợi/ túi	Sợi	180.000	ISO 9001 và ISO 13485	Gồm các số 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr. Đường kính trong của số 6Fr là 1mm; số 8Fr là 1,5mm; số 10Fr là 2mm; số 12Fr là 2,45mm; số 14Fr là 2,95mm; số 16Fr là
21	Dây tiếp oxy	1 sợi/ túi	Sợi	450	ISO 9001 và ISO 13485	Gồm các số 8, 10, 12, 14, 16. Được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, dây dài 40 cm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Có chứng nhận ISO
22	Dây oxy 2 nhánh	1 sợi/ túi	Sợi	8.000	ISO 9001 và ISO 13485	Gồm các cỡ cho người lớn và trẻ em. tổng chiều dài ống dây là $\geq 2.200\text{mm}$. Được làm từ nhựa PVC nguyên sinh dùng trong y tế. Ống dây chính có đường kính trong tối
23	Dây hút dịch phẫu thuật	1 sợi/ gói	Sợi	3.000	ISO 13485	Được làm từ nhựa PVC, sản phẩm có độ đàn hồi cao, đồng nhất ở mọi vị trí. Ống dây trong suốt, mềm mại. Dây dài $\geq 2.000\text{mm}$. Đường kính trong của dây tối thiểu là 8mm.
24	Dây nối Oxy	1 sợi/ túi	Sợi	480	ISO 9001 và ISO 13485	Được sản xuất từ nhựa PVC, dây mềm, dài $\geq 2.000\text{mm}$. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Chứng nhận ISO 9001 và ISO 13485
25	Dây nối máy bơm tiêm điện đường kính nhỏ	Gói/ 1 cái	Cái	25.000	ISO13485	Dây dài $140\text{cm} \pm 5\%$, không có DEHP, không có Latex. Đường kính trong $\leq 1.0\text{mm}$, đường kính ngoài $\leq 2.3\text{mm}$. Đầu nối Luer Lock. Được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt
26	Dây garo y tế	Gói / 1 cái	Cái	300	ISO 13485	Dùng trong lấy máu hoặc truyền dịch. Loại có khóa nhựa. Có chứng nhận ISO 13485
27	Dụng cụ chẩn lưỡil, tạo đường thở (Airway)	Gói/ 1 Cái	Cái	10.000	ISO 13485	Gồm các số: số 0 (60mm), số 1 (70mm), số 2 (80mm), số 3 (90mm), số 4 (100mm). Được mã hóa màu để dễ nhận biết kích cỡ. Được làm từ polyethylene. Tiệt trùng bằng
28	Đề lưỡi gỗ	1 que/ gói	Que	35.000	ISO 13485	Đề lưỡi gỗ tiệt trùng từng que riêng biệt. Kích thước: $150\text{mm} \times 20\text{mm} \times 2\text{mm} (\pm 5\%)$. Chứng nhận ISO 13485
29	Kẹp rốn	Gói/ 1 chiếc	Chiếc	9.000	ISO 9001 và ISO 13485	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, không chứa độc tố DEHP. Đã được tiệt trùng bằng khí EO. Có chứng nhận ISO 9001 và ISO 13485
30	Bình hút đàm nhớt	Hộp/ 1 cái	Cái	100	ISO 13485	Có các cỡ: Fr10, Fr12, Fr14. Ống được làm bằng nhựa PVC. Chiều dài ống hút $\geq 35\text{cm}$. Dung tích 25ml . Có chứng nhận ISO 13485
31	Bóp bóng giúp thở	Hộp/ 1cái	Cái	150	ISO 13485	Có các cỡ người lớn, trẻ em và sơ sinh. Bóp bóng được làm từ nhựa PVC, không chứa latex. Có chứng nhận ISO 13485
32	Bao camera nội soi	Gói/ 1 cái	Cái	2.000	ISO 13485	Chất liệu được làm từ nhựa PE hoặc PP. Chiều rộng 15cm, chiều dài từ 220cm đến 235cm. Có vòng nhựa gắn liền với miệng bao. Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng.
33	Bao cao su	Gói/ 1 cái	Cái	30.000	ISO 13485	Sản xuất từ cao su thiên nhiên có độ co giãn tốt, màu sắc tự nhiên. Tiêu chuẩn ISO 13485
34	Bao đo máu sau khi sinh	1 cái / gói	Cái	6.000	ISO 13485	Chất liệu: nhựa dùng trong y tế, trong suốt, có chia vạch để đo lượng máu sản phụ sau sinh. Có vạch chia thể tích, vạch nhỏ nhất 100cc, vạch lớn nhất 2.000cc. Tiệt trùng
35	Túi đựng nước tiểu	1 cái / gói	Cái	10.000	ISO 13485	Được sản xuất từ nhựa y tế PVC. Dung tích $2000\text{ml} (\pm 5\%)$, độ dày $\geq 1.2\text{mm}$, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Có băng chia vạch nghiêng. Van xả thoát
36	Túi đựng bệnh phẩm	100 cái / gói	Cái	400	ISO 13485	Kích thước: $7 \times 14\text{cm}$, $9 \times 17\text{cm}$, $12 \times 17\text{cm}$ (Thông số cố định sai số là $\pm 5\%$). Được làm bằng nhựa nguyên chất. Chứng nhận ISO 13485.
37	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế bằng hơi nước	Túi / 500 miếng	Miếng	50.000	ISO 13485 và CFS của FDA	Kích thước: $5.1 \times 1.9\text{cm} (\pm 5\%)$. Chỉ thị hóa học đa thông số (nhiệt độ, thời gian, áp suất) kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ nhóm 5 dùng cho quy trình tiệt khuẩn
38	Chỉ thị hóa học dùng bên trong gói dụng cụ	Thùng / 2.000 cái	Cái	4.000	ISO 13485	Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước. Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen hoặc nâu đen sau khi hoàn thành qui trình tiệt khuẩn. Có thể chia làm 2 cho gói nhỏ.
39	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	100	ISO 13485 và CFS của FDA	Kích thước: $18\text{mm} \times 55\text{mm} (\pm 5\%)$. Mặt dưới phủ keo dán và mặt trên có in vạch chỉ thị hóa học. Vạch mực không chứa chì nên không gây hại. Chứng nhận ISO 13485 và
40	Giấy thử kiểm tra chất lượng lò tiệt trùng	thùng/ 30 túi	Gói	360	ISO 13485 và CFS của FDA	Dùng cho lò hút chân không với chu trình tiệt khuẩn $132\text{-}134^{\circ}\text{C}$. Dạng gói bên trong có chứa 1 tờ giấy chỉ thị. Sản phẩm không chứa chì. Chứng nhận ISO 13485 và CFS
41	Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng dạng cuộn đẹp 100mm x 200m	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	180	ISO 13485	Kích thước: $100\text{mm} \times 200\text{m}$. Chất liệu: một mặt là giấy y tế và một mặt phim tiêu chuẩn màu xanh lam. Mực in bằng mực gốc nước, vị trí chữ in bên ngoài vùng tiếp
42	Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng dạng cuộn đẹp 150mm x 200m	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	150	ISO 13485	Kích thước: $150\text{mm} \times 200\text{m}$. Chất liệu: một mặt là giấy y tế và một mặt phim tiêu chuẩn màu xanh lam. Mực in bằng mực gốc nước, vị trí chữ in bên ngoài vùng tiếp

43	Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng dạng cuộn dẹp 200mm x 200m	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	180	ISO 13485	Kích thước: 200mm x 200m. Chất liệu: một mặt là giấy y tế và một mặt phim tiêu chuẩn màu xanh lam. Mực in bằng mực gốc nước, vị trí chữ in bên ngoài vùng tiếp
44	Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng dạng cuộn phẳng 200mm x 100m	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	60	ISO 13485	Kích thước: 200mm x 100m. Chất liệu: một mặt là giấy y tế và một mặt phim tiêu chuẩn màu xanh lam. Mực in bằng mực gốc nước, vị trí chữ in bên ngoài vùng tiếp
45	Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng dạng cuộn phẳng 250mm x 100m	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	120	ISO 13485	Kích thước: 250mm x 100m. Chất liệu: một mặt là giấy y tế và một mặt phim tiêu chuẩn màu xanh lam. Mực in bằng mực gốc nước, vị trí chữ in bên ngoài vùng tiếp
46	Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng dạng cuộn Tyvek 250mm x 200m	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	20	ISO 13485	Kích thước: 250mm x 200m. Chất liệu: một mặt Tyvek (100% sợi polyethylene mật độ cao) và một mặt phim trong suốt. Mực in bằng mực gốc nước, vị trí chữ in bên ngoài
47	Túi đựng dụng cụ hấp tiệt trùng dạng cuộn Tyvek 350mm x 200m	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	30	ISO 13485	Kích thước: 350mm x 200m. Chất liệu: một mặt Tyvek (100% sợi polyethylene mật độ cao) và một mặt phim trong suốt. Mực in bằng mực gốc nước, vị trí chữ in bên ngoài
48	Dây điện cực có bóng dùng cho máy tạo nhịp tạm thời	Gói/ 1 cái	Cái	15	ISO 13485	Cấu trúc Woven Bioflexibility hoặc tương đương. Vật liệu Woven mềm mại ở nhiệt độ cơ thể. Thiết kế bóng hỗ trợ đặt dây dễ dàng không cần máy X-quang. Đạt chứng nhận
49	Điện cực dán	Thùng/ 1.500 cái	Cái	300.000	ISO 13485 và CFS	Điện cực dán người lớn, loại dùng 1 lần. Lớp lót Foam. Đường kính ≥ 50 mm. Có chứng nhận ISO 13485 và CFS
50	Giấy đo điện tim 50mm x 30m	Hộp/ 10 cuộn	Cuộn	1.000	ISO 13485	Giấy điện tim 1 cần. Kích thước: 50mm x 30m ($\pm 5\%$). Có chứng nhận ISO 13485
51	Giấy điện tim 3 cần 63mm x 30m	Hộp/ 10 cuộn	Cuộn	1.500	ISO 13485	Giấy điện tim 3 cần (sọc cam). Kích thước: 63mm x 30m ($\pm 5\%$). Có chứng nhận ISO 13485
52	Giấy monitor sản khoa 112mmx100mmx150 tờ	Gói/ 1 xấp	Xấp	900	ISO 13485	Giấy monitor sản khoa UT-3000A, MFM-800 (sọc đỏ). Kích thước: 112mm x 100mm x 150 tờ ($\pm 5\%$). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
53	Que thử đường huyết	hộp/ 50 test	Test	200.000	ISO 13485 và CFS	Phạm vi thử: từ 10 đến 600 mg/dL ($\leq 0.6 - \geq 33.3$ mmol/L). Thời gian đo: ≤ 9 giây ($\pm 5\%$).
54	Dụng cụ theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường	Gói/ 1 bộ	Bộ	200	ISO 13485	Có 2 dây chính và 1 dây nối phụ phân biệt xanh (tĩnh mạch) đỏ (động mạch), 2 khóa 3 ngã, 1 khóa lấy mẫu máu kín (loại Mstopcock), đầu truyền dịch hình chữ J, transducer
55	Máy đo huyết áp ké	Hộp/ 1 cái	Cái	100	ISO 13485	Bộ gồm đồng hồ, quả bóp cao su có van và bao vải có túi hơi cao su. Áp kế từ 20-300mmHg. Khối lượng 430g ($\pm 5\%$). Có chứng nhận ISO 13485
56	Ống nghe	Hộp/ 1 cái	Cái	50	ISO 13485	Đầu ống nghe bằng nhôm, càng nghe bằng đồng thau, dây ống nghe chữ Y bằng nhựa PVC. Có chứng nhận ISO 13485
57	Gel bôi trơn	Hộp / 1 tuýp	Tuýp	50	ISO 13485	Được sử dụng để dùng trong nội soi. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch. Chứng nhận ISO 13485
58	Viết đánh dấu dùng trong phẫu thuật	Gói/ 1 cái	Cái	200	ISO13485	Đã được tiệt trùng. Gói gồm 1 cây viết và 1 thước. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485

Gói 2: Chỉ phẫu thuật, dao mổ, kim châm cứu và vật tư hô hấp

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Tính năng kỹ thuật
1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 1 kim tròn	Hộp/36 tép	Tép	5.400	ISO 13485 và CFS	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate, lớp phủ $\leq 0,5\%$, số 1, dài 90cm $\pm 5\%$, kim tròn 40mm $\pm 5\%$, 1/2C. Độ bền kéo nút thắt $\geq 78,4$ N
2	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 2/0 kim tròn	Hộp/36 tép	Tép	2.000	ISO 13485 và CFS	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate, lớp phủ $\leq 0,5\%$, số 2/0, dài 75cm $\pm 5\%$, kim tròn 26mm $\pm 5\%$, 1/2C. Độ bền kéo nút thắt $\geq$
3	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 3/0 kim tròn	Hộp/36 tép	Tép	1.080	ISO 13485 và CFS	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate, lớp phủ $\leq 0,5\%$, số 3/0, dài 75cm $\pm 5\%$, kim tròn 26mm $\pm 5\%$, 1/2C. Độ bền kéo nút thắt
4	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, kim tròn	Hộp/12 tép	Tép	120	ISO 13485	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, dài 100 cm ($\pm 5\%$), kim tròn đầu tù 3/8c, dài 65 mm $\pm 5\%$, khâu gan. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
5	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 4/0, kim tròn	Hộp/12 tép	Tép	360	ISO 13485 và CFS	Chỉ tan đa sợi polyglactin 910 phủ poly (glycolide-co-lactide) (30/70) và calcium stearate. Cỡ chỉ số 4/0 dài 70cm ($\pm 5\%$), kim tròn 1/2C 22mm ($\pm 5\%$). Độ bền kéo nút

6	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 5/0, kim tròn	Hộp/12 tép	Tép	240	ISO 13485 và CFS	Chỉ tan đa sợi polyglactin 910 phủ poly (glycolide-co-lactide) (30/70) và calcium stearate. Cỡ chỉ số 5/0 dài 75cm ±5%, kim tròn 1/2C 17mm ±5%. Độ bền kéo nút thắt
7	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi số 2/0 kim tròn	Hộp/36 tép	Tép	3.600	ISO 13485 và CFS	Chỉ tan nhanh đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate, số 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt 36mm (± 5%), 1/2C. Độ bền kéo nút thắt ≥ 51,2N
8	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene 2/0, 2 kim tròn	Hộp/24 tép	Tép	150	ISO13485	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 2/0, dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 30 mm (± 5%). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
9	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene 4/0, 2 kim tròn	Hộp/12 tép	Tép	48	ISO13485	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 4/0, dài 90 cm (± 5%), 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
10	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene 5/0, 2 kim tròn	Hộp/12 tép	Tép	48	ISO13485	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 5/0, dài 90 cm (± 5%), 2 kim tròn đầu cắt CC 1/2c, dài 16 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
11	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene 6/0, 2 kim tròn	Hộp/12 tép	Tép	48	ISO13485	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 6/0, dài 60 cm (± 5%), 2 kim tròn đầu cắt CC 3/8c, dài 13 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
12	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene 7/0, 2 kim tròn	Hộp/12 tép	Tép	48	ISO13485	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 7/0, dài 60 cm (± 5%), 2 kim tròn đầu cắt CC 3/8c, dài 10 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
13	Chỉ thép số 5 kim tròn	Hộp/12 tép	Tép	120	ISO13485	Chỉ thép số 5, dài 75 cm (± 5%), kim tròn trocar 1/2c, dài 55 mm (± 5%). Đạt tiêu chuẩn ISO13485
14	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut 2/0, kim tròn	Hộp/24 tép	Tép	3.000	ISO13485	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 2/0, dài 75 cm (± 5%), kim tròn 1/2c. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
15	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut 3/0, kim tròn	Hộp/24 tép	Tép	120	ISO13485	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 3/0, dài 75 cm (± 5%), kim tròn 1/2c, dài 26 mm (± 5%). Đạt tiêu chuẩn ISO13485
16	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut 4/0, kim tam giác	Hộp/24 tép	Tép	120	ISO13485	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 4/0, dài 75 cm (± 5%), kim tam giác 3/8c, dài 16 mm (± 5%). Đạt tiêu chuẩn ISO13485
17	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut 4/0, kim tròn	Hộp/24 tép	Tép	120	ISO13485	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 4/0, dài 75 cm ±5%, kim tròn 1/2c, dài 26 mm ±5%. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
18	Chỉ không tan tổng hợp 10/0, kim tròn	Hộp/12 tép	Tép	120	ISO13485	Chỉ không tan tổng hợp Nylon số 10/0, dài 15 cm ±5%, kim tròn 3/8c, dài 5 mm ±5%. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
19	Chỉ Nylon 2.0 kim tam giác	Hộp/ 12 tép	Tép	2.800	ISO 13485 và CFS	Chỉ không tan đơn sợi polyamide 6.6. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm ±5%, kim tam giác 3/8C 26mm ±5%. Độ bền kéo nút thắt ≥ 3Kgf và ≥ 240% so với giới hạn USP. Lực tách
20	Chỉ Nylon 3.0 kim tam giác	Hộp/ 12 tép	Tép	4.800	ISO 13485 và CFS	Chỉ không tan đơn sợi polyamide 6.6. Cỡ chỉ số 3/0 dài 75cm ±5%, kim tam giác 3/8C 20mm ±5%. Độ bền kéo nút thắt ≥ 0,96Kgf và ≥ 150% so với giới hạn USP. Lực tách
21	Chỉ Nylon 4.0 kim tam giác	Hộp/ 12 tép	Tép	3.600	ISO 13485 và CFS	Chỉ không tan đơn sợi polyamide 6.6. Cỡ chỉ số 4/0 dài 75cm ±5%, kim tam giác 3/8C 18mm ±5%. Độ bền kéo nút thắt ≥ 1,2Kgf và ≥ 200% so với giới hạn USP. Lực tách
22	Chỉ Nylon 5.0 kim tam giác	Hộp/ 12 tép	Tép	240	ISO 13485 và CFS	Chỉ không tan đơn sợi polyamide 6.6. Cỡ chỉ số 5/0 dài 75cm ±5%, kim tam giác 3/8C 16mm ±5%. Độ bền kéo nút thắt ≥ 0,8Kgf và ≥ 200% so với giới hạn USP. Lực tách
23	Chỉ Nylon 6.0 kim tam giác	Hộp/ 12 tép	Tép	120	ISO 13485 và CFS	Chỉ không tan đơn sợi polyamide 6.6. Cỡ chỉ số 6/0 dài ≥ 45cm, kim tam giác 3/8C 12mm ±5%. Độ bền kéo nút thắt ≥ 0,3Kgf và ≥ 180% so với giới hạn USP. Lực tách
24	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 1, không kim	Hộp/24 tép	Tép	240	ISO13485	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 1, không kim, dài 150 cm ±5%. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
25	Chỉ phẫu thuật 4/0 không kim	Hộp/24 tép	Tép	720	ISO13485	Chỉ tan chậm số 4/0, chất liệu collagen, không kim, dài 150cm ±5%. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
26	Chỉ Silk 2.0 kim tam giác	Hộp/ 12 tép	Tép	1.800	ISO 13485 và CFS	Chỉ silk không tan đa sợi được phủ ngoài bằng silicone Nusil Med 2174 hoặc tương đương. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm ±5%, kim tam giác 3/8C 24mm ±5%. Độ bền kéo nút
27	Chỉ Silk 2.0 kim tròn	Hộp/ 12 tép	Tép	360	ISO 13485 và CFS	Chỉ silk không tan đa sợi được phủ ngoài bằng silicone Nusil Med 2174 hoặc tương đương. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm ±5%, kim tròn 1/2C 26mm ±5%. Độ bền kéo nút thắt ≥
28	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, không kim	Hộp/24 tép	Tép	360	ISO13485	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, không kim, dài 150cm ±5%. Đạt tiêu chuẩn ISO13485

29	Chỉ không tan tự nhiên Silk 3/0, kim tròn	Hộp/24 tép	Tép	240	ISO13485	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0, dài 75 cm ±5%, kim tròn 1/2C, dài 26mm ±5%. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
30	Chỉ không tan tự nhiên Silk 4/0, kim tam giác	Hộp/24 tép	Tép	120	ISO13485	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 4/0, dài 75cm ±5%, kim tam giác 3/8C, dài 18mm ±5%. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
31	Chỉ không tan tự nhiên Silk 6/0, kim tam giác	Hộp/12 tép	Tép	120	ISO13485	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 6/0, dài 75cm ±5%, kim tam giác 1/2C, dài 13mm ±5%. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
32	Chỉ không tan tự nhiên Silk 7/0, kim tam giác	Hộp/12 tép	Tép	120	ISO13485	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 7/0, dài 75cm ±5%, kim tam giác 3/8C, dài 13mm ±5%. Đạt tiêu chuẩn ISO13485
33	Dao mổ	Gói/ 1 cái	Cái	6.000	ISO13485	Gồm các số: 10, 11, 15, 20, 21. Được làm từ thép không gỉ. Đóng gói tiệt trùng riêng biệt từng cái bằng tia gamma. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485
36	Lọc khuẩn 3 chức năng	Gói/ 1 Cái	Cái	4.500	ISO 13485	Có công lấy mẫu khí đo CO2. Hiệu quả lọc vi khuẩn 99.99%, lọc vi rút 99.99%. Đã được tiệt trùng. Chứng nhận ISO 13485
37	Lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	Gói/ 1 Cái	Cái	2.000	ISO 13485	Có đầu ngậm elip. Màng lọc giấy tĩnh điện. Hiệu quả lọc vi khuẩn 99.999%, lọc vi rút 99.999%. Đầu kết nối với máy rộng 48mm. Đã được tiệt trùng bằng khí EO. Chứng
38	Lọc cai máy thở	Gói/ 1 Cái	Cái	100	ISO 13485	Giúp trao đổi nhiệt độ và độ ẩm. Không gian chết 12ml. Trọng lượng 4g. Chứng nhận ISO 13485
39	Bình thông phổi	Hộp/ cái	Cái	500	ISO 13485	Dung tích chứa 1600ml (± 5%). Các chữ số dễ đọc và chính xác. Chứng nhận ISO 13485
40	Bộ phun khí dung co T	Gói/ 1 Cái	Cái	300	ISO 13485	Vật liệu PVC dùng trong y tế. Không Latex. Bộ gồm có: co nối chữ T, ống dây chống xoắn dài ≥ 2m và bầu chứa thuốc. Đã được tiệt trùng bằng khí EO. Chứng nhận ISO
41	Bộ hút đàm kín 72h	Gói/ 1 bộ	Bộ	100	ISO 13485 và CFS	Bộ hút đàm kín sử dụng 72h. Chất liệu PVC. Gồm có các cỡ 6-16FG. Có vạch đánh dấu chia độ. Vỏ bọc trong suốt. Mã hóa màu theo kích cỡ. Không Latex và không
42	Mặt nạ thanh quản 2 nòng silicon	Gói/ 1 cái	Cái	10	ISO 13485	Vật liệu silicon. Có ống dẫn lưu đưa dịch dạ dày ra ngoài. Ống dẫn khí được gia cố thêm lò xo bằng thép không gỉ. Có thể hấp tiệt trùng và tái sử dụng đến 40 lần. Đạt
43	Mặt nạ gây mê silicon	Gói/ 1 cái	Cái	30	ISO 13485	Gồm các cỡ: 1, 2, 3, 4, 5. Được làm từ silicone trong suốt, không mùi, không gây dị ứng. Có thể hấp tiệt trùng và dùng được nhiều lần. Rãnh hướng vào bên trong ngăn rò
44	Mặt nạ khí dung	Gói/ 1 cái	Cái	3.000	ISO 13485 và CFS	Gồm các cỡ S, M, L, XL. Được làm bằng nhựa PVC, ống nối dài ≥ 2m, được tiệt trùng bằng EO. Có chứng nhận ISO 13485
45	Mặt nạ oxy	Gói/ 1 cái	Cái	500	ISO 13485	Gồm các cỡ S, M, L, XL. Được làm bằng nhựa PVC, ống nối dài ≥ 2m. Có chứng nhận ISO 13485
46	Mặt nạ oxy có túi	Gói/ 1 cái	Cái	2.500	ISO 13485	Gồm các cỡ S, M, L, XL. Được làm bằng nhựa PVC, loại có túi, ống nối dài ≥ 2m. Có chứng nhận ISO 13485

Gói 3: Bơm tiêm, dây truyền, bông băng gạc, lưới thoát vị và ống thông

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Tính năng kỹ thuật
1	Bơm tiêm dùng một lần, đầu xoắn 50ml/60ml	Gói/ 1 cái	Cái	25.000	ISO13485	Bơm tiêm không kim, đầu xoắn. Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng (đánh dấu 1.0cc). Sản phẩm không Latex. Dung
2	Bơm tiêm 1ml, kim 26G x 1/2"	1 cái/ túi	Cái	500.000	ISO9001, ISO13485 và	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 26G x 1/2". Xylanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không cong vênh, không chứa chất DEHP. Gioăng có núm bơm hết
3	Bơm tiêm 3ml, kim 23G x 1"; 25G x 1"	1 cái/ túi	Cái	40.000	ISO9001 và ISO13485	Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml, có các cỡ kim 23G x 1"; 25G x 1". Xylanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không cong vênh, không chứa chất DEHP. Pít tông có
4	Bơm tiêm 5ml, kim 23G x 1"; 25G x 1"	1 cái/ túi	Cái	450.000	ISO9001, ISO13485 và	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G x 1"; 25G x 1". Xylanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không cong vênh, không chứa chất DEHP. Pít tông có khía bẻ
5	Bơm tiêm 10ml, kim 23G x 1"; 25G x 1"	1 cái/ túi	Cái	200.000	ISO9001, ISO13485 và	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 23G x 1"; 25G x 1". Xylanh được làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không cong vênh, không chứa chất DEHP. Pít tông có khía bẻ

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Tính năng kỹ thuật
1	Kim luồn an toàn có cửa chích thuốc 18G, 20G, 22G	Gói/ 1 cái	Cái	14.000	ISO13485 và CFS	Kim luồn có cửa chích thuốc. Có 4 đường cân quang ngầm, có màng kỵ nước tại đốc kim, có đầu bảo vệ kim loại dạng lò xo 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau và cơ chế kích
2	Kim luồn an toàn có cánh, không cửa chích thuốc 20G, 22G, 24G	Gói/ 1 cái	Cái	14.000	ISO13485, FDA và CFS	Kim luồn có cánh, không cửa. Vật liệu FEP-Teflon hoặc tương đương. Có 4 đường cân quang ngầm, có màng kỵ nước tại đốc kim, có đầu bảo vệ kim loại dạng lò xo 2
3	Kim luồn tĩnh mạch 18G, 20G, 22G, 24G	Gói/ 1 cái	Cái	120.200	ISO 13485	Kim luồn tĩnh mạch loại có cánh, có cổng tiêm thuốc. Gồm các cỡ 18G, 20G, 22G, 24G. Không gây sốt, không gây độc. Đầu kim có 3 mặt vát, phủ silicone. Catheter có
4	Đầu kim cho bút tiêm	Hộp/ 100 cái	Cái	900.000	ISO 13485, GMP và CFS	Có các cỡ: 30Gx6mm $\pm 5\%$, 30Gx8mm $\pm 5\%$, 31Gx4mm $\pm 5\%$, 31Gx6mm $\pm 5\%$, 31Gx8mm $\pm 5\%$. Không độc hại, không gây sốt. Đầu kim bằng chất liệu thép không rỉ,
5	Nút chặn kim luồn	Gói/ 1 cái	Cái	10.000	ISO 13485	Có cổng tiêm thuốc. Đã được tiệt trùng. Đạt chứng nhận ISO13485
6	Kim cánh bướm các cỡ	Gói/ 1 cái	Cái	500	ISO13485	Dây dẫn dài 30cm, được sản xuất từ nhựa PVC, đường kính trong 1.5mm $\pm 5\%$, đường kính ngoài 2.5mm $\pm 5\%$, không DEHP. Kim cỡ 23G, 25G được sản xuất từ thép không
7	Kim chọc tủy sống có cánh cầm khi chọc và bơm thuốc các cỡ	Gói/ 1 cái	Cái	5.000	ISO 13485 và CFS	Chuôi kim trong suốt có nhiều rãnh. Cánh cầm khi chọc có thể tháo rời. Có vạch đánh dấu độ sâu. Được sản xuất từ ống thép không gỉ SUS 304. Kim vát mép thuận tiện cho
8	Kim tiêm	Gói/ 1 cái	Cái	400.000	ISO9001 và ISO13485	Gồm các cỡ G18, G20, G23. Kim cấu tạo thép không gỉ. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ. Đạt chứng nhận ISO9001 và ISO13485
9	Kim chích máu (tay cầm nhựa)	Hộp/ 100 cái	Cái	100.000	ISO13485	Kim chích máu có tay cầm nhựa, đầu xoắn. Đạt chứng nhận ISO13485
10	Kim chích máu dài 40mm	Gói/ 1 cái	Cái	20.000	ISO13485	Chất liệu thép không gỉ, dài 40mm. Đạt chứng nhận ISO13485
11	Kim châm cứu vô trùng (0,20x30mm, 0,25x25mm;	Gói/ 10 cái	Cái	800.000	ISO13485, GMP và CFS	Gồm các kích cỡ: * Đường kính kim 0,20mm $\pm 5\%$, chiều dài thân kim 30mm $\pm 5\%$
12	Kim hoàn khiêu (0,30x90mm; 0,35x90mm)	Gói/ 10 cái	Cái	100.000	ISO13485, GMP và CFS	Gồm các kích cỡ: 0,30x90mm ($\pm 5\%$); 0,35x90mm ($\pm 5\%$). Toàn bộ cán kim và thân kim đều được làm bằng chất liệu thép không gỉ dùng trong y tế. Độ bền liên kết giữa
13	Khóa 3 ngã không dây	Gói/ 1 cái	Cái	40.000	ISO13485	Có khoá xoay 360 độ. Có mũi tên đánh dấu nhằm chỉ hướng của dòng chảy. Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. Được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt chứng nhận ISO13485
14	Khóa 3 ngã có dây dài 25cm	Gói/ 1 cái	Cái	60.000	ISO13485	Khóa 3 ngã có dây nối dài 25cm $\pm 5\%$. Có khoá xoay 360 độ. Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. Có mũi tên đánh dấu nhằm chỉ hướng của dòng chảy. Được tiệt trùng bằng khí
15	Khóa ba ngã chống nứt gãy có dây 25cm	Gói/ 1 cái	Cái	10.000	ISO13485 và CFS	Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc. Chịu được áp lực ≥ 2 bar. Dây nối dài 25 cm $\pm 5\%$. Thể tích mỗi 2 ml $\pm 5\%$. Thời gian sử dụng ≥ 96 h.

Gói 5

	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Tính năng kỹ thuật
1	Hóa chất Cleanac dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học	Can 5 lít	Can	150	ISO 13485	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng
2	Hóa chất Cleanac 3 dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học III	Can 5 lít	Can	150	ISO 13485	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng
3	Hóa chất Hemolynac 3N dùng làm chất ly giải cho máy phân tích	Can 500 mL	Can	150	ISO 13485	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng
4	Hóa chất hemolynac 5 dùng làm chất ly giải cho máy phân tích	Can 500 mL	Can	150	ISO 13485	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng
5	Hóa chất Isotonac 3 dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết	Can 18 L	Can	300	ISO 13485	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng

6	Hóa chất kiểm chuẩn máy phân tích huyết học mức 1	3 mL/ Lọ	Lọ	80	ISO 13485	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng
7	Hóa chất kiểm chuẩn máy phân tích huyết học mức 2	3 mL/ Lọ	Lọ	80	ISO 13485	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng
8	Hóa chất kiểm chuẩn máy phân tích huyết học mức 3	3 mL/ Lọ	Lọ	80	ISO 13485	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng
9	Hóa chất rửa buồng đo hồng cầu, bạch cầu dùng cho máy xét	Thùng /5 Lít	Thùng	40	ISO 13485	Dung dịch giúp làm sạch hiệu quả các mảnh vụn tế bào, proteins và triglycerides bằng cách hòa tan chất tẩy rửa dùng cho máy Nihon Kohden.
10	Hóa chất rửa mạnh dùng trong quá trình bảo dưỡng máy và rửa	Thùng / 1 Lít	Thùng	40	ISO 13485	Dung dịch làm sạch hiệu quả các mảnh vụn tế bào, proteins và triglycerides bằng cách hòa tan chất tẩy rửa dùng cho máy Nihon Kohden.
11	Hóa chất phá vỡ tế bào hồng cầu, đo HGB	Chai/ 500 ml	Chai	40	ISO 13485	Dung dịch ly giải hồng cầu, đếm số lượng bạch cầu và đo huyết sắc tố dùng cho máy phân tích huyết học Nihon Koden.
12	Hóa chất ly giải phân tách 5 thành phần bạch cầu trong xét nghiệm	Chai/ 500 ml	Chai	40	ISO 13485	Dung dịch ly giải hồng cầu, đếm số lượng bạch cầu và đo huyết sắc tố dùng cho máy phân tích huyết học Nihon Koden.
13	Hóa chất pha loãng dùng để đọc 18 thông số huyết học	Thùng / 20Lít	Thùng	120	ISO 13485	Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học Nihon Kohden . Thành phần:
14	Hóa chất kiểm chuẩn máy huyết học 5 thành phần Bạch cầu	Bộ/3x3ml	Bộ	40	ISO 13485	Vật liệu kiểm chuẩn huyết học để đánh giá độ chính xác máy đếm 5 thành phần tế bào. Tất cả các nguyên liệu gốc của con người được sử dụng để sản xuất sản phẩm này đã

Gói 6

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	Cóng phản ứng dạng khối dùng cho hệ thống máy đông máu tự	2400 cuvette	Hộp	48	ISO, CFS	Cóng phản ứng dùng trên hệ thống máy đông máu tự động. Dạng nhựa rắn 4 công liên khối trên một thanh.
2	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông	1 x 4000 mL	Bình	150	ISO, CFS	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông máu tự động. Thành phần 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride (Methylisothiazolinone
3	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch trên hệ thống máy đông máu	1 x 500 mL	Hộp	60	ISO, CFS	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần Acid clohydric 100 mmol/L. Dạng Lỏng.
4	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống	1 x 80 mL	Hộp	45	ISO, CFS	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động. Thành phần dung dịch natri hypoclorit chứa < 5% clo tồn tại. Dạng Lỏng.
5	Hóa chất dùng để pha loãng trên hệ thống phân tích đông máu	1 x 100 mL	Hộp	60	ISO, CFS	Hóa chất dùng để pha loãng xét nghiệm chuẩn máy trên hệ thống đông máu. Dạng Lỏng.
6	Hóa chất đo thời gian PT dành cho máy phân tích đông máu	5 x 20 mL+5 x 20 mL	Hộp	60	ISO, CFS	Hóa chất dùng để XN thời gian PT, ISI ≤ 1,05. Dạng Bột khô và chất đệm pha loãng. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 10 ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C
7	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen, theo phương	10 x2 mL	Hộp	70	ISO, CFS	Hóa chất dùng để XN định lượng Fibrinogen-Clauss. Dạng Bột khô. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 3 ngày nhiệt độ 2-8 độ C , ≥ 1 tháng nhiệt
8	Hóa chất đo thời gian APTT dành cho máy phân tích đông máu	5x9 mL+5x8 mL	Hộp	60	ISO, CFS	Hóa chất dùng để XN thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride. Dạng Lỏng. Thời gian ổn định ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C , ≥ 5 ngày nhiệt độ 15 độ C trên
9	Chất chuẩn dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông	10 x 1 mL	Hộp	3	ISO, CFS	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho XN đông máu như Fibrinogen, các loại yếu tố,yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C.
10	Chất kiểm chứng mức bình thường dùng cho các xét nghiệm trên máy	10 x 1 mL	Hộp	45	ISO, CFS	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN đông máu như PT,APTT, TT,Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor,
11	Chất kiểm chứng mức bất thường thấp dùng cho các xét nghiệm trên	10 x 1 mL	Hộp	6	ISO, CFS	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN đông máu như PT,APTT, TT,Fibrinogen, Antithrombin, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bất thường thấp. Dạng
12	Chất kiểm chứng mức bất thường cao dùng cho các xét nghiệm trên	10 x 1 mL	Hộp	40	ISO, CFS	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN đông máu như PT,APTT, Hepatocomplex ở dải đo bất thường cao Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 24 giờ với XN PT,APTT

13	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer, theo phương pháp	3x4 mL+ 3x6 mL	Hộp	16	ISO, CFS	Hóa chất dùng để XN định lượng D-Dimer theo phương pháp miễn dịch độ đục, loại trừ truyền tắc huyết khối tĩnh mạch (VTE) Ngưỡng ≥ 500 ng/mL, độ nhạy $\geq 99.9\%$,
14	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng D-Dimer (đv: mL)	5x1 mL+5x1 mL	Hộp	5	ISO, CFS	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN định lượng D-Dimer dải đo bình thường và dải đo bất thường. Dạng Lỏng. Thời gian ổn định ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ , ≥ 24 giờ
15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Anti Xa trên máy phân	5x3 mL+5x2.5	Hộp	5	ISO, CFS	Hóa chất dùng để xác định hoạt độ heparin không phân đoạn hoặc Heparin trọng lượng phân tử thấp, các chất ức chế trực tiếp yếu tố FXa như Rivaroxaban, Apixaban
16	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Anti Xa trên máy phân	3x1 mL+3x1 mL+3 x1 mL	Hộp	5	ISO, CFS	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho XN đông máu Heparin ≥ 3 mức. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 2 ngày nhiệt độ 2-8 độ C. ≥ 1 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy
17	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Anti Xa (LMW)	5x1 mL+5x1 mL	Hộp	5	ISO, CFS	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho XN xác định Heparin trọng lượng phân tử thấp trong dải đo thấp và dải đo cao. Dạng Bột khô. Thời gian ổn định ≥ 2 ngày nhiệt độ 2-
18	Cổng phản ứng dạng khay dùng cho hệ thống máy đông máu tự	Hộp 2000 cái	Hộp	40	ISO, CFS	Cổng phản ứng dùng trên hệ thống máy đông máu tự động. Dạng nhựa rắn khay tròn chứa 20 cổng phản ứng.
19	Hóa chất dung dịch dùng để súc rửa trên hệ thống phân tích đông	1000ml	Bình	120	ISO, CFS	Dạng lỏng, thành phần bao gồm Sodium azide $\leq 0.1\%$
Gói 7						

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Hộp/ 2x500µl	Hộp	12	ISO, CFS	Được sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng glycated Hemoglobin Thành phần: Máu toàn phần
2	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c	Hộp/ 2x500µl	Hộp	12	ISO, CFS	Được sử dụng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1C theo phương pháp ái lực. Thành phần: Máu toàn phần
3	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu	Bộ/ 500 tests	Bộ	40	ISO, CFS	Được sử dụng cho định lượng hemoglobin A1c (HbA1c) trong máu toàn phần từ tĩnh mạch hoặc máu mao mạch. Thành phần chính: Cột phân tích Polymer gel, Dung dịch

Gói 8

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	Gelcard định nhóm máu ABO/Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu	Hộp/ 2x25cards	Hộp	100	ISO, CSF	Định nhóm máu ABO và Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Gel card 4 giếng đầu có thành phần như sau: Giếng 1: Anti-
2	Gelcard Coombs trực tiếp, thực hiện phản ứng hòa hợp nhóm máu	Hộp/ 2x25cards	Hộp	10	ISO, CSF	Dùng cho test Coombs trực tiếp và gián tiếp, sàng lọc và định danh kháng thể bất thường, định nhóm chéo môi trường Coombs 37 độ C, autocontrol. Thành phần: Tối
3	Gelcard định nhóm máu bằng phương pháp hồng cầu mẫu, thực	Hộp/ 2x25cards	Hộp	10	ISO, CSF	Dùng cho định nhóm chéo, autocontrol, định nhóm ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu. . Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Gel card. Thành phần chứa môi
4	Dịch pha loãng hồng cầu bệnh nhân cho máy định nhóm máu tự	Hộp/ 2x100ml	Hộp	200	ISO, CSF	Dùng để pha loãng hồng cầu. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch đệm có độ ion thấp, thành phần chính là Glycine và glucose
5	Hồng cầu mẫu	Hộp/ 2x10ml	Hộp	20	ISO, CSF	Dùng cho định nhóm máu ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Bộ hồng cầu mẫu gồm 2 lọ A1 và B
6	Dịch rửa kim cho máy định nhóm máu tự động	Hộp/ 12x125ml	Hộp	15	ISO, CSF	Dung dịch được sử dụng để rửa hệ thống. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch muối đậm đặc và chất màu, natri azide
7	Dịch rửa hệ thống cho máy định nhóm máu tự động	Hộp/ 12x125ml	Hộp	100	ISO, CSF	Dung dịch được sử dụng để rửa hệ thống chất lỏng và dầu dò. Thành phần: Tối thiểu gồm các thành phần: Dung dịch chất hoạt động bề mặt đậm đặc và chất màu. Chất bảo
8	Bộ hồng cầu kiểm chuẩn	4x6ml	Hộp	12		Bộ hồng cầu dùng cho kiểm chuẩn xét nghiệm nhóm máu trên máy phân tích định nhóm máu gel card ≥ 8 giếng, có khả năng nạp mẫu và card linh động. Thành phần:

Gói 9

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	Dung dịch hỗ trợ máy soi cận nước tiểu	Hộp/ 2x7000mL	Hộp	12	ISO, CSF	Đề định vị thủy động dòng mẫu xét nghiệm trong phạm vi độ sâu tiêu cự của thấu kính trên kính hiển vi và đảm bảo dòng chảy hợp lý bằng cách rửa và làm ướt tất cả các
2	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm tế bào cận nước tiểu	Hộp/ 4jarx125mL	Hộp	4	ISO, CSF	Chất kiểm chuẩn dùng để chẩn đoán in vitro, dùng với máy soi cận nước tiểu. Thành phần: Hồng cầu người
3	Dung dịch hiệu chuẩn cho dòng sản tế bào cận nước tiểu	Hộp/ 4jarx125mL	Hộp	4	ISO, CSF	Chất hiệu chuẩn được dùng trong chẩn đoán in vitro, sử dụng với máy soi cận nước tiểu. Thành phần: Hồng cầu của người
4	IVD pha loãng mẫu và loại nhiễu trong xét nghiệm soi cận nước tiểu	Hộp/ 4jarx475mL	Hộp	8	ISO, CSF	Dùng để pha loãng các mẫu nước tiểu và dịch cơ thể, rửa hệ thống tránh nhiễm chéo. Thành phần: nước, Muối, Chất bảo quản
5	Dung dịch làm sạch máy phân tích nước tiểu	Hộp/ 4jarx425mL	Hộp	8	ISO, CSF	Dung dịch rửa dùng để ngăn ngừa cặn thừa tích tụ trong hệ thống lỏng, dòng chảy mẫu và flow cell. Thành phần: Natri hypochlorit
6	Ống đựng mẫu nước tiểu 16x100	1cái	Cái	20000	ISO, CSF	Chất liệu: Nhựa PS, màu sắc: màu tự nhiên, kích thước 16 x 100mm, dung tích 15ml
7	Nắp trong ống nghiệm 16x100	1cái	Cái	20000	ISO, CSF	Chất liệu nhựa, màu tự nhiên
Gói 10						
STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	Bộ dây dẫn dịch bù máy (Online Substitution line)	Bộ/ 50 Cái / thùng	Bộ	4.000	EC, ISO	Tương thích với dòng máy Dialog HDF onliffe, một bộ gồm 1 đầu nối luer, van 1 chiều, tiết trùng bằng tia ETO
2	Quả lọc thẩm tách siêu sạch (DIACAP ULTRA DF-ONLINE	Quả/ 6 Cái / thùng	Quả	200	EC, ISO	Màng Polysulfone khả năng hấp phụ cao, có khả năng loại bỏ vi khuẩn và độc tố > 10 ⁶ , tuổi thọ màng lọc: 150 lần chạy thận/khoảng 900 giờ, có tính ổn định cao, tương
3	Quả lọc máu kèm hệ thống dây dẫn máu sử dụng	4 Bộ/ 4 Cái/ thùng	Bộ	36	EC, ISO	Một bộ gồm: Dây dẫn máu động mạch có các dây dẫn phụ để chứa citrate/heparin
4	Túi xả (OMNIBag)	50 túi/ 50 Bộ/ thùng	Bộ	50	EC, ISO	OMNIBag là túi đựng dung dịch xả thể tích 7000ml; là một phụ kiện nằm trong bộ Quả lọc kèm dây dẫn máu OMNiset (đã bao gồm 1 túi)
5	Quả lọc máu kèm hệ thống dây dẫn máu trong lọc	4 Bộ/ 4 Cái/ thùng	Bộ	12	EC, ISO	Bộ dây máu kèm đầu nối mở và màng lọc 1.6m ² cho liệu pháp CVVHD, CVVHDF, kết hợp với lọc máu hấp phụ; bao gồm: Dây dẫn động mạch có các dây dẫn phụ chứa
6	Bộ dây và màng lọc tách huyết	4 Bộ/ 4 Cái/ thùng	Bộ	8	EC, ISO	Bộ dây tách huyết tương OMNiset TPE 0,5m ² bao gồm các bộ phận sau: - Dây động mạch kèm dây dẫn phụ cho truyền heparin, cổng chọc kim và đầu nhọn;
7	Bộ dây và màng lọc tách huyết	4 Bộ/ 4 Cái/ thùng	Bộ	8	EC, ISO	Bộ dây tách huyết tương OMNiset TPE 0,7m ² bao gồm các bộ phận sau: - Dây động mạch kèm dây dẫn phụ cho truyền heparin, cổng chọc kim và đầu nhọn;
8	Quả lọc thận nhân tạo Low Flux 1,6 m ²	20 Quả/20 Cái/Thùng	Cái	2.000	EC, ISO	Màng lọc thận Low Flux; chất liệu: α Polysulfone Pro; tiết khuẩn tia Gamma không oxy; diện tích bề mặt 1.6 m ² , thể tích mỗi : 100 ml , kuf =14 ml/h/mmHg.
9	Quả lọc thận nhân tạo Low Flux 1,9 m ²	20 Quả/20 Cái/Thùng	Cái	500	EC, ISO	Màng lọc thận Low Flux; chất liệu: α Polysulfone Pro; tiết khuẩn tia Gamma không oxy; diện tích bề mặt 1.9 m ² , thể tích mỗi : 120 ml , kuf =17 ml/h/mmHg.
10	Quả lọc thận nhân tạo High Flux 1,6 m ²	20 Quả/20 Cái/Thùng	Cái	500	EC, ISO	Màng lọc thận High Flux; chất liệu: α Polysulfone Pro; tiết khuẩn tia Gamma không oxy; diện tích bề mặt 1.6 m ² , thể tích mỗi : 100 ml , kuf =85 ml/h/mmHg.
11	Quả lọc thận nhân tạo High Flux 1,9 m ²	20 Quả/20 Cái/Thùng	Cái	500	EC, ISO	Màng lọc thận High Flux; chất liệu: α Polysulfone Pro; tiết khuẩn tia Gamma không oxy; diện tích bề mặt 1.9 m ² , thể tích mỗi : 120 ml , kuf =97 ml/h/mmHg.
12	Hộp bột thẩm phân máu 650G	10 Cái /10 Hộp /Thùng	Cái	6.000	EC, ISO	Hộp Solcart B chứa bột Sodium hydrogen carbonate sử dụng thay cho dung dịch thẩm phân máu đậm đặc Bicarbonate 8.4 % dùng trong chạy thận nhân tạo, vỏ hộp bằng
13	Dung dịch rửa màng lọc (MDT PLUS 4 COLD	5 lít/ Can	Can	100	ISO	Thành phần dung dịch chứa: - Hydrogen peroxide: 25%

14	Dung Dịch Khử Khuẩn Máy Thận Nhân Tạo	5 lít/ Can	Can	360	EC, ISO	1000 ml chứa 500 gam acid citric khan. Tác dụng: làm sạch, khử Can- xi và khử trùng nhiệt máy chạy thận nhân tạo; diệt vi
15	Catheter tĩnh mạch trung tâm V1220	10 Cái /10 Bộ /Thùng	Cái	360	EC, ISO	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng không chứa DEHP; dài 20 cm, thể tích mỗi 1.4 ml, chất liệu polyurethan, có dây nối đo ECG; có chất cản quang, có ống dẫn đường
Gói 11						
STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	Dụng cụ cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo 33mm	1 cái/ hộp	Cái	100	CE	- Đường kính ngoài 33mm, đường kính trong 25 mm, chứa 32 ghim Titanium cao 4,2 mm, rộng 4mm, đường kính ghim 0,3mm. Kích thước mô (chiều cao ghim đóng)
Gói 12						
STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	Găng phẫu thuật tiết trùng các số	1 đôi/ túi, 50 đôi/ hộp, 400	Đôi	120.000	ISO 9001:2015; ISO	- Sản xuất theo tiêu chuẩn: ISO 10282-2014 và TCVN 6344. Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác
2	Găng phẫu thuật tiết trùng không bột các số	1 đôi/ túi, 50 đôi/ hộp, 400	Đôi	5.000	ISO 9001:2015; ISO	- Sản xuất theo tiêu chuẩn: ISO 10282-2014 và TCVN 6344. Sản xuất từ cao su thiên nhiên, găng không bột, găng được phủ Polymer. Sản phẩm được sản xuất theo công
4	Găng phẫu thuật cổ tay dài (tiết trùng) các số	1 đôi/ túi, 40 đôi/ hộp, 320	Đôi	5.000	ISO 9001:2015; ISO	- Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, thấm thấu được. Sản phẩm được sản xuất theo công nghệ chất lượng cao. Tiết trùng bằng khí EO, tiết
6	Găng kiểm tra dùng trong y tế có bột các size	50 đôi/ hộp, 500 đôi/	Đôi	1.500.000	ISO 9001:2015; ISO	- Sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 6343. Được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...), có
8	Găng kiểm tra dùng trong y tế không bột các size	50 đôi/ hộp, 500 đôi/	Đôi	5.000	ISO 9001:2015; ISO	- Sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 6343. Được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...),
10	Bao cao su tránh thai	144 cái/ hộp, 3.456 cái/	Cái	25.000	ISO 9001:2015; ISO	- Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, Latex li tâm 2 lần, loại bỏ các chất gây dị ứng như Nitrosamines amins, các proteine, độc tố v.v, độ dày đồng đều, màu sắc tự nhiên,
11	Gel siêu âm	5 lít/ can, 2 can/ thùng	Can	120	ISO 9001:2015; ISO	- Sản xuất từ: Nước, Propylene glycol, Hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate ...
12	Gel bôi trơn âm đạo	82g/ tuýp, 40 tuýp/ thùng	Tuýp	120	ISO 9001:2015; ISO	- Thành phần chính: nước cất, Propylen, Glycol, Hydroxyl ethyl Cellulose, Glycerin, Sodium Benzoate...
Gói 13						
STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	ANIOSYME X3	1 lít/ chai	Lít	300	ISO 13485, ISO 9001 và	14% N,N-Didecyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate, hỗn hợp 3 enzym: protease, lipase và amylase, tác dụng
2	ANIOSYME SYNERGY 5	5 lít/ can	Lít	1.000	ISO 13485, ISO 9001 và	Hỗn hợp 5 enzyme hỗn hợp 5 enzyme: 1%-3% protease, 0.1%-0.5% lipase, 0.1%-0.5% amylase, 0.1%-0.5% mannanase, 0.1%-0.5% cellulase. , có thể sử dụng cho
3	STERANIOS 2% + test thử	5 lít/ can	Lít	800	ISO 13485, ISO 9001 và	2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6. Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111, EN 17126. Dung dịch trong chậu ngâm sử dụng được trong tối
4	OPASTER'ANIOS + test thử	5 lít/ can	Lít	1.500	ISO 13485, ISO 9001 và	0,55% Ortho- Phthalaldehyde, pH=7. Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563 và EN 17111, EN 17126. Dung dịch trong chậu ngâm sử dụng được trong 14 ngày
5	SURFANIOS PREMIUM 5L	5 lít/ can	Lít	400	ISO 9001 và ISO 14001	2,5% Didecyl dimethyl ammonium chloride + 5,1% N,N Bis (3Aminopropyl) dodecylamine, làm sạch khử khuẩn sản nhà, bề mặt, tương thích tốt với các chất liệu

6	SURFA'SAFE PREMIUM	750ml/chai	Chai	200	ISO 9001 và ISO 14001	0.3% Didecylidimethyl ammonium chloride, chất HDBM, không chứa cồn, làm sạch và khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế. Tương thích với Polycarbonate. Đầu phun tạo
7	DERMANIOS SCRUB CHLORHEXIDINE 4%	5 lít/ can	ml	800.000	ISO 9001 và ISO 14001	Chlorhexidine digluconate 4% (1,1 Hexamethylenebis (5-(4-Chlorophenyl)-biguanide) digluconate 4%). Thành phần làm sạch Cocamidopropyl amine oxide,
8	ANIOSGEL 85 NPC	500ml/ chai	Chai	800	ISO 9001 và ISO 14001	70 % Ethanol+ 1,74% Propanol-2-ol (mg/g), Bisabolol (chất bảo vệ da), Glycerin (chất dưỡng ẩm da) . Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa theo yêu cầu
9	Dung dịch tẩy gỉ và sáng bóng dụng cụ	1 lít/ chai	Lít	50	ISO 9001 và ISO 14001	Acid Phosphoric 52,5% làm sáng bóng dụng cụ, loại bỏ vết mờ ô gỉ sét. Nồng độ sử dụng: 5% (50ml trong 1lít nước ấm). Thời gian ngâm: 1-2 giờ (kiểm tra bề mặt dụng

Gói số 14

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng, thông số kỹ thuật
1	Gạc băng mắt 5cmx7cm	1 miếng/túi	Cái	10.000	ISO 13485:2016	- Nguyên liệu: + Vải không dệt (70% viscose, 30% polyester), mịn màng, mềm mại, trắng mịn, thấm
2	Bông gạc đắp vết thương 8 x15cm	100 miếng/gói	Miếng	130.000	ISO 13485:2016	-Thành phần làm từ 2 lớp Gạc y tế (Gạc hút) được dệt từ sợi 100% cotton bên ngoài, ở giữa là 1 lớp Bông y tế (Bông hút nước) được làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton,
3	Bông y tế viên phi 20mm Kilo	1 kg/gói	Kg	350	ISO 13485:2016	-Thành phần: làm từ bông y tế thấm nước bông xơ tự nhiên 100% được se thành viên kích thước phi 15mm.
4	Bông gạc đắp vết thương 8x17cm	100 miếng/gói	Miếng	70.000	ISO 13485:2016	-Thành phần làm từ 2 lớp Gạc y tế (Gạc hút) được dệt từ sợi 100% cotton bên ngoài, ở giữa là 1 lớp Bông y tế (Bông hút nước) được làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton,
5	Gạc PT ổ bụng 30 x 40cm x 4 lớp tiệt trùng	5 miếng/gói	Miếng	60.000	ISO 13485:2016	- Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, có chỉ số sợi là 32s/1, không gây kích ứng da, không để lại sợi, sợi trên vết thương
6	Gạc PT ổ bụng 40x50cm x 4 lớp tiệt trùng	5 miếng/gói	Miếng	45.000	ISO 13485:2016	- Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, có chỉ số sợi là 32s/1, không gây kích ứng da, không để lại sợi, sợi trên vết thương
7	Bộ tiêm chích FAV tiệt trùng	1 bộ/gói	Miếng	85.000	ISO 13485:2016	Bao gồm: Gói 1: Gạc thân nhân tạo 3,5 x 4,5 cm x 40 lớp: 2 cái (được làm từ gạc hút nước
8	Gạc cầu sản khoa 40x 40 có dây	100 viên/gói	Viên	18.000	ISO 13485:2016	- <u>Nguyên liệu</u> : Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi là 32/1, sợi chắc, mịn, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, không dùng chất quang
9	Gạc phẫu thuật ổ bụng 20 x 50cm 4 lớp	5 miếng/gói	Miếng	45.000	ISO 13485:2016	- Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, có chỉ số sợi là 32s/1, không gây kích ứng da, không để lại sợi, sợi trên vết thương
	Bông gạc đắp vết thương 7x7cm	100 miếng/gói	Miếng	40.000	ISO 13485:2016	Thành phần làm từ 2 lớp Gạc y tế (Gạc hút) được dệt từ sợi 100% cotton bên ngoài, ở giữa là 1 lớp Bông y tế (Bông hút nước) được làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton,
10	Tăm bông y tế Ø3mm -TT	5 que/túi 100 que/gói	Que	10.000	ISO 9001:2015	<u>Nguyên liệu</u> : Đầu bông của Que Tăm Bông y tế được sử dụng từ Bông xơ tự nhiên 100% , đã được loại bỏ lớp sáp, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn; Không mùi lạ; Màu sắc
11	Bông gòn không thấm	12 kg/ thùng	Kg	180	CE, GMP	- Nguyên liệu : Bông xơ tự nhiên 100% cotton, . - Bông không hút nước được hình thành từ tập hợp các sợi trong quả bông, không loại
12	Gói bông gạc xô lỗ tai vô trùng	Gói	Gói/ 1 cái	2.000	ISO 13485	Gồm: + Bông 3x3cm : 2 miếng
13	Tăm bông ráy tay 2 đầu	Gói / 42 Que	Gói	2.000	CE, GMP, ISO 13485, ISO	Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100% cotton. - Đặc tính bông:

Gói số 15

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng kỹ thuật
1	Nẹp khóa căng tay các cỡ	1 cái/gói	Cái	25	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 51/64/77/90/103/116/129mm.

2	Nẹp khóa cánh tay các cỡ	1 cái/gói	Cái	24	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ. Chiều dài: 56/69/82/95/108/121/134/147/160mm.
3	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ	1 cái/gói	Cái	6	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 98/111/124/137/150/163/176/189mm.
4	Nẹp khóa lõi cầu ngoài cánh tay (trái, phải) các cỡ	1 cái/gói	Cái	18	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8/9/10/11 lỗ. Chiều dài: 99/111/123/135/147/159/171mm.
5	Vít vỏ 2.7 các cỡ	2 cái/gói	Cái	100	ISO 13485, CE	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24/26/28/30mm.
6	Nẹp khóa lõi cầu trong cánh tay (trái, phải) các cỡ	1 cái/gói	Cái	15	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 79/91/103/115/127/139/151mm.
7	Nẹp khóa xương đòn S (trái, phải) các cỡ	1 cái/gói	Cái	180	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 45/69/81/93/105/117mm.
8	Nẹp khóa đa hướng đùi các cỡ	1 cái/gói	Cái	12	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 6/7/8/9/10/11/12/13/14/16 lỗ. Chiều dài:
9	Nẹp khóa cẳng chân các cỡ	1 cái/gói	Cái	5	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16 lỗ. Chiều dài:
10	Vít khóa 5.0 các cỡ	2 cái/gói	Cái	800	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài:
11	Nẹp khóa đầu dưới mâm chày (trái, phải) các cỡ	1 cái/gói	Cái	25	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8/9/10/11/13 lỗ. Chiều dài: 129/142/155/168/181/194/207/233mm.
12	Nẹp khóa đa hướng T nâng đỡ các cỡ	1 cái/gói	Cái	10	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8 lỗ. Chiều dài: 65/81/97/113/129/145mm.
13	Nẹp khóa đa hướng L nâng đỡ (trái, phải) các cỡ	1 cái/gói	Cái	12	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8 lỗ. Chiều dài: 80/96/112/128/144mm.
14	Nẹp khóa đầu dưới xương mác các cỡ	1 cái/gói	Cái	30	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6 lỗ. Chiều dài: 74/86/98/110mm.
15	Nẹp khóa gót chân IV các cỡ	1 cái/gói	Cái	12	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: có size 12 lỗ, chiều dài 58mm và 67mm.
16	Nẹp khóa DHS các cỡ	1 cái/gói	Cái	12	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12 lỗ. Chiều dài:
17	Đinh chốt titan cẳng chân các cỡ	1 cây/gói	Cây	30	ISO 13485, CE	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính đinh 8/9/10mm. Chiều dài 255-375mm, mỗi bước tăng 15mm.
18	Đinh chốt titan đùi các cỡ	1 cây/gói	Cây	20	ISO 13485, CE	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính đinh 9/10/11mm. Chiều dài 340-420mm, mỗi bước tăng 20mm.
19	Nẹp khóa chữ I các cỡ	1 cái/gói	Cái	20	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 23.2/28.5/33.8/39.1/44.4/49.7/55mm.
20	Nẹp khóa chữ L (trái, phải) các cỡ	1 cái/gói	Cái	10	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8 lỗ. Chiều dài: 22.5/27.8/33.1/38.4mm.
21	Nẹp khóa chữ T các cỡ	1 cái/gói	Cái	10	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8/9 lỗ. Chiều dài: 23.4/28.7/34/39.3/44.6mm.
22	Nẹp khóa đa hướng mắc xích các cỡ	1 cái/gói	Cái	10	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/12/14/16 lỗ. Chiều dài:
23	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn (trái, phải) các cỡ	1 cái/gói	Cái	30	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 61/71/81/91/101/111/121/131mm.
24	Nẹp khóa đầu dưới xương quay (trái, phải) các cỡ	1 cái/gói	Cái	50	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6 lỗ. Chiều dài: 44/55/66/77mmmm.

25	Nẹp khoá đa hướng mồm khuỷu (trái, phải) các cỡ	1 cái/gói	Cái	6	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/10. Chiều dài: 70/83/96/109/122/135mm.
26	Nẹp khoá đa hướng đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ	1 cái/gói	Cái	25	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 3/5/6/7/8/9/10/11/13/15. Chiều dài:
27	Nẹp khoá đa hướng ổ lồi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	1 cái/gói	Cái	12	ISO 13485, CE	- Chất liệu: pure titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/15. Chiều dài:
28	Vít khoá 2.0 các cỡ	2 cái/gói	Cái	450	ISO 13485, CE	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22mm.
29	Vít vỏ (titanium) 2.0 các cỡ	2 cái/gói	Cái	120	ISO 13485, CE	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22mm.
30	Vít khoá 2.7 các cỡ	2 cái/gói	Cái	800	ISO 13485, CE	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24/26/28/30mm và
31	Vít khoá 4.0 các cỡ	2 cái/gói	Cái	1500	ISO 13485, CE	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài:
32	Vít vỏ 4.0 các cỡ	2 cái/gói	Cái	500	ISO 13485, CE	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài:
33	Vít vỏ 5.0 các cỡ	2 cái/gói	Cái	250	ISO 13485, CE	- Chất liệu: titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài:
34	Đinh Kirschner các cỡ	10 cây/gói	Cây	400	ISO 13485, CE	- Chất liệu: thép y khoa (Stainless Steel). - Kích cỡ: đường kính đinh 0.8/1.0/1.2/1.6/2.0/2.5mm. Chiều dài 200/250/300mm.

Gói 13

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng kỹ thuật
1	Hóa chất khí máu động mạch	Hộp/300 test	Test	9000	ISO 13485, FDA	- Bộ Cartridge tích hợp các cảm biến đo pH, pCO ₂ , pO ₂ , Hct và thuốc thử hiệu chuẩn dùng để đo khí máu, Hct trong máu toàn phần, với các thông số như sau: pH, PCO ₂ ,

Gói 14

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng kỹ thuật
1	Vật liệu trám răng - NTPremium	hộp/1 tuýp 4g	tuýp	200	ISO 13485	Composite đặc đa năng Luna có thể dùng trám cả răng trước và răng sau. Cấu trúc hạt mịn siêu nhỏ tỉ trọng cao giúp tăng khả năng kháng mòn, độ bền miêng trám cao. Có
2	Vật liệu trám răng - NTPremium Flow	hộp/2 tuýp, tuýp/2g	tuýp	30	ISO 13485	Nexcomp Flow là composite quang trùng hợp với độ sánh thấp và tính cân quang cao, rất phù hợp đối với việc sửa soạn xoang với kỹ thuật xâm lấn tối thiểu. Hạt mịn với
3	Vật liệu trám răng - Magic Bond DE	Lọ / 5ml	Lọ	50	ISO 13485	Keo dán đa năng thế hệ 8 tiên tiến nhất từ thương hiệu Kerr (USA). Sản phẩm kết hợp giữa GPDM Monomer và hệ thống dung môi 3 thành phần (Water – Acetone –
4	Vật liệu trám răng - AnaEtching Gel (1510400)	tuýp / 3g	Ống	50	ISO 13485	Etching dạng gel chứa 37% H ₃ (PO) ₄ và thành phần polymer giúp phân biệt rõ ràng giữa các vùng răng cần xoi mòn. Hiệu quả xoi mòn tốt bề mặt men răng, ngà răng. Dễ
5	Vật liệu trám răng - Calcium Hydroxide Powder	Hộp/ 10g	Hộp	50	ISO 13485	Bột canxi- Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong ống tủy. Lý tưởng trong trám tủy tạm. Che tủy bằng canxi bột. Bảo vệ tủy. Cách ly tủy trong trường hợp răng sâu nặng
6	Trám bít ống tủy	Hộp/ tuýp 2g	Hộp	50	ISO 13485	Cement trám bít tủy CeraSeal Meta Biomed. Cement trám bít ống tủy gốc Bioceramic thế hệ mới, có độ tương hợp sinh học cao. Vật liệu dán dính lý tưởng với thành ống
7	Dụng cụ dùng trong nha khoa: Dụng cụ nội nha- Spreader	Bộ/3 cái	Bộ	100	ISO 13485	Cây lên với thiết kế 2 đầu độc đáo Đầu NiTi mềm dẻo
8	Dụng cụ dùng trong nha khoa: Dụng cụ nạy chân răng- Elevator	Cái	Cái	20	ISO 13485	Dụng cụ hỗ trợ nha sĩ dùng trong thăm khám, điều trị nha khoa. Dụng cụ đc làm từ thép không gỉ, đầu thẳng, 3mm

9	Mũi khoan nha khoa các loại	vi/ 5 mũi	Mũi	2.000	ISO 13485	Mũi khoan cacbua rắn SS White được làm bằng cacbua vonfram hạt mịn chất lượng cao, tạo ra lưỡi dao sắc hơn và bền hơn so với cacbua vonfram hạt thô rê tiền hơn.
10	Kim tiêm nha khoa	hộp/100 cây	Cây	10.000	ISO 13485	Kim Terumo dùng gây tê tại chỗ hoặc gây tê vùng trong nha khoa. Kim được làm từ vật liệu cao cấp, an toàn khi sử dụng, Mặt kim vát và sắc bén giảm thiểu chấn thương,
11	Vật liệu sửa soạn răng trước khi trám - FSOL (Formocresol)	Lọ / 15ml	Lọ	50	ISO 13485	Sắt trùng tùy bị nhiễm trùng nặng, các trường hợp răng bị hư và chết tủy. Với thành phần có tính kháng khuẩn mạnh tạo hiệu quả cao trong điều trị nội nha với những răng
12	Vật liệu trám răng - Eugenol	Lọ/ 50g	Lọ	50	ISO 13485	Eugenol là dung dịch có tác dụng giảm đau, có thể được dùng như thuốc băng ống tủy, trộn paste trám bít tủy...
13	Mũi khoan nha khoa	Vi/ 5 mũi	Mũi	1.500	ISO 13485	Mài cắt mô răng nhanh hơn 30% cùng mũi khoan DFS. Lực cắt mạnh hơn. Độ bền bi cao hơn. Mũi khoan có thông số :
14	Dụng cụ nha khoa: Trâm nội nha	Vi / 4 cây	Vi	1.000	ISO 13485	Kim đưa chất hàn răng vào ống tủy. Size: 25, 30, 35, 40 (dài 21mm, 25mm)
15	Dụng cụ hút nước bọt dùng trong nha khoa	gói/ 100 cái	Gói	300	ISO 13485	Ống hút nước bọt sử dụng 1 lần. Chất liệu nhựa tốt, mềm mại dễ uốn dẻo và giữ ổn định hình dạng.
16	Miếng lau dụng cụ nha khoa	Hộp / 160 tờ	Hộp	200	ISO 13485	Giấy lau sát khuẩn bề mặt có tác dụng tương tự dung dịch xịt sát trùng bề mặt, với thành phần chứa cồn (IPP) tỉ lệ thấp. Sử dụng lau bề mặt ghế máy, đèn, cần chỉnh, và
17	Dầu bôi trơn tay khoan nha khoa - I-	Chai / 550ml	Chai	25	ISO 13485	Dầu tra tay khoan Hi-Clean Spray là sản phẩm chứa hoạt chất làm sạch và Dầu bôi trơn cao cấp. Sử dụng đúng cách, phù hợp với tất cả các loại tay khoan nha khoa và
18	Đai trám răng -Omni-Matrix Sectional	gói/ 12 sợi	Gói	100		Đai kim loại linh hoạt, đủ độ mềm dẻo để uốn cong như mong muốn. Độ dày phù hợp để tái tạo tiếp xúc bên hào hảo. Các góc cạnh nhẵn mịn bảo vệ nướu. Có thể hấp và
19	Xi măng trám tạm	hộp/ 40g	hộp	200	ISO 13485	Trám tạm - MD-Temp Plus (White). Chất trám tạm chứa thành phần: polyvinyl acetate, oxide kẽm, kẽm sulfate, ethanol. Độ ổn định cao, chịu lực tốt. Dễ áp dụng và
20	Xốp cầm máu nha khoa	Hộp / 32 viên	viên	1.000		Thành phần chính là bột Gelatine tinh khiết đã được khử trùng bằng bức xạ gamma và không có keo bạc hà, có thể sử dụng ngay trong phòng mổ. Kích thích lành thương
21	Dầu bôi trơn tay khoan nha khoa	Chai / 550ml	Chai	25	ISO 13485	Dầu tra tay khoan Hi-Clean Spray là sản phẩm chứa hoạt chất làm sạch và Dầu bôi trơn cao cấp. Sử dụng đúng cách, phù hợp với tất cả các loại tay khoan nha khoa và
22	Dụng cụ nha khoa: Trâm nội nha	Vi/ 6 cây	Cây	2.000	ISO 13485	Reamer (ký hiệu: tam giác) dùng sửa soạn, mở rộng ống tủy. Bộ dụng cụ nong dũa ống tủy nổi tiếng Mani, sản phẩm không thể thiếu trong quá trình điều trị nội nha. Thép sợi
23	Gương miệng	Hộp/12 cái	Cái	300	ISO 13485	Mặt gương khám Medesy chất lượng tốt, bền bỉ. Chất liệu khung viền bằng thép không gỉ. Kích thước mặt gương : 22cm
24	Côn làm khô ống tủy	Hộp / 120 cái	hộp	100	ISO 13485	Giúp trám bít ống tủy dễ dàng và nhanh chóng, tính cân quang cao. Côn gồm nhiều kích cỡ và độ thuận khác nhau và có vạch đánh dấu chiều dài.. Size: 15, 20, 25, 30,
25	Dụng cụ nha khoa: Cây dũa ống tủy	Vi/ 6 cây	Vi	1.000	ISO 13485	Sử dụng trong nha khoa, lèn côn vào ống tủy. Không tái sử dụng. Size: 15 (trắng)/ 20 (vàng)/ 25 (đỏ)/ 30(xanh dương), 35(xanh lá)/ 40(đen). Chiều dài 25mm. Quy cách :
26	Xi măng trám hoàn tất	Hộp/lọ 15g + chai 8g	Hộp	200	ISO 13485	Xi măng glass ionomer hóa trùng hợp có khả năng phóng thích fluoride, ngăn ngừa sâu răng. Độ giãn nở tương tự mô răng thật giúp giảm thiểu áp lực lên vùng biên của
Tổng cộng						
Gói 15						
STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng kỹ thuật
1	Môi trường Cary-Blair chuyển chở mẫu phân	Bịch 20 tube	Tube	50	ISO 13485	Trong ống nhựa dài 22 cm, có chứa môi trường Cary-Blair sâu khoảng 40mm. Thích hợp để chuyên chở mẫu phân. Thời gian lưu giữ mẫu: 48-72h/20-25°C.
2	Stuart-Amies mẫu mù dịch	Bịch 20 tube	Tube	200	ISO 13485	Trong ống nhựa dài 22 cm, Có chứa môi trường Stuart-Amies sâu khoảng 40mm. Thích hợp để chuyên chở mẫu mù dịch. Thời gian lưu giữ mẫu: 48-

3	Môi trường GN broth	Bịch 20 tube	Tube	40	ISO 13485	Tube nhựa có chứa môi trường GN broth sâu khoảng 40mm. Thích hợp để cấy tăng sinh các vi khuẩn Salmonella và Shigella
4	Môi trường BHI broth	Hộp 10 lọ	Lọ	1.500	ISO 13485	Chai nhỏ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt. Có chứa 3ml môi trường BHI. Thích hợp để cấy tăng sinh các vi khuẩn dù khó mọc (trừ Haemophilus).
5	Môi trường cấy máu BHI hai pha	Bịch 48 chai	Chai	240	ISO 13485	Chai nhựa nắp vận chặt, mặt nắp là lớp cao su. Chai có hai phase môi trường: Phase lỏng là 40 ml BHI có SPS kháng đông, phase đặc là mặt
6	BHI bổ sung XV	Bịch 10 tube	Tube	1.000	ISO 13485	Dung dịch bổ sung yếu tố X (Hemin) và yếu tố V (NAD)
7	BA 90 (thạch máu cừu)	Hộp 10 đĩa	Đĩa	1.000	ISO 13485	Chứa trong đĩa nhựa Petri 90mm. Cấy phân lập vi khuẩn hiếu khí kể cả các vi khuẩn khó sinh trưởng (trừ Haemophilus và N. gonorrhoeae) và xem được tính
8	BANg 90	Hộp 10 đĩa	Đĩa	240	ISO 13485	Trong đĩa nhựa Petri 90mm. Nhờ có kháng sinh Nalidixic acid ức chế các trực khuẩn Gram [-], BANg được dùng cấy phân lập chọn lọc vi khuẩn Gram [+] như
9	BAGe 90	Hộp 10 đĩa	Đĩa	240	ISO 13485	Trong đĩa nhựa Petri 90mm. Nhờ có kháng sinh Gentamicin ức chế các vi khuẩn khác, BAGe được dùng cấy phân lập chọn lọc Streptococci và Pneumococci, đồng
10	Chromagar 90mm	Hộp 10 đĩa	Đĩa	2.000	ISO 13485	Chứa trong đĩa nhựa Petri 90mm. Thạch Chromagar là
11	CAXV 90	Hộp 10 đĩa	Đĩa	720	ISO 13485	Chứa trong đĩa nhựa Petri 90mm. Là thạch nâu có bổ
12	CAVCN 90	Hộp 10 đĩa	Đĩa	360	ISO 13485	Chứa trong đĩa nhựa Petri 90mm.Thạch CAXV bổ sung
13	CAHI 90	Hộp 10 đĩa	Đĩa	360	ISO 13485	Chứa trong đĩa nhựa Petri 90mm.Thạch CAXV bổ sung
14	SS 90	Hộp 10 đĩa	Đĩa	120	ISO 13485	Chứa trong đĩa nhựa Petri 90mm.Thạch Salmonella/Shigella là môi trường phân
15	Máu cừu (10ML)	Tube 10 ml	Tube	750	ISO 13485	Chứa trong tube nhựa nắp vận chặt Máu cừu (sheep blood) đã làm tan fibrin,
16	KIA (Kliggler Iron Agar)	Hộp 10 tube	Tube	400	ISO 13485	Định danh trực khuẩn Gram [-] dễ mọc, bao gồm họ vi
17	BI-ESC (Bile Esculin)	Hộp 10 tube	Tube	100	ISO 13485	Môi trường sinh hóa định danh trực khuẩn Gram [-]
18	TSB-6.5% (TSB có 6,5% NaCl)	Hộp 10 tube	Tube	100	ISO 13485	Môi trường sinh hóa định danh phân biệt vi khuẩn
19	ESC (Esculin)	Hộp 10 tube	Tube	100	ISO 13485	Một loại: ampoule 2ml dễ bẻ đầu. Là môi trường sinh hóa định danh trực khuẩn Gram [-] dễ mọc, bao gồm họ vi khuẩn đường ruột và các trực khuẩn lên men/
20	GLY20 (BHI Glycerol 20%)	Hộp 10 tube	Tube	100	ISO 13485	Được dùng để lưu trữ lâu ngày các chủng vi khuẩn ở nhiệt độ -20o C
21	NS 0.85% vô trùng	Hộp 10 lọ	Lọ	1.500	ISO 13485	Chai nhỏ nắp nhôm có gắn nút cao su đậy chặt chứa 5ml. Dùng để pha chế các huyền dịch các vi khuẩn.
22	Môi trường định danh Pyruvate	Hộp 10 tube	Tube	50	ISO 13485	Môi trường sinh hóa định danh phân biệt vi khuẩn
23	OXD (OXIDASE)	Lọ 20 đĩa	Lọ	3	ISO 13485	Xác định hoạt tính Oxidase của vi khuẩn
24	ESC (ESCULIN)	Lọ 20 đĩa	Lọ	40	ISO 13485	Xác định hoạt tính thủy giải Esculin của vi khuẩn
25	H2O2	Tube 2 ml	Tube	3	ISO 13485	Thực hiện thử nghiệm phát hiện Catalase để phân biệt Staphylococcus với Streptococcus.

26	H2O2-100ml	Chai 100ml	Lọ	1	ISO 13485	Thực hiện thử nghiệm phát hiện Catalase để phân biệt Staphylococcus với Streptococcus.
27	IDS 14GNR	Bộ 20 mẫu	Bộ	12	ISO 13485	IVD NKIDS 14 GNR là hệ thống gồm 14 phản ứng sinh hóa dùng định danh các trực khuẩn Gram [-] dễ sinh trưởng.
28	Optochin	Lọ 20 đĩa	Lọ	12	ISO 13485	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm nhạy cảm Optochin định danh S.
29	Bacitracin	Lọ 20 đĩa	Lọ	12	ISO 13485	Thực hiện thử nghiệm nhạy cảm Bacitracin định danh S.
30	X, V, XV	Bộ 3 lọ/10 test	Bộ	3	ISO 13485	IVD NKX / V / XV là hệ thống định danh Haemophilus dựa trên thử nghiệm thử nghiệm xác định nhu cầu yếu tố X (hemin) và/hoặc V
31	Pylori test	Hộp 20 test	Test	10.000	ISO 13485	NK-PYLORI TEST gồm hộp 20 giếng rời dùng phát hiện hoạt tính Urease nhanh để tìm vi khuẩn H.
32	Huyết tương thô đông khô	Hộp 10 lọ	Lọ	200	ISO 13485	NKCOAGULASE TEST Dạng bột chứa trong lọ. Dùng định danh phân biệt Staphylococcus aureus với
33	Đĩa kháng sinh các loại	Lọ 50 đĩa	Lọ	100	ISO 13485	Đĩa kháng sinh được dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ theo phương pháp khuếch tán kháng sinh trong thạch. Thích hợp thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ
34	Nitrocefin	Lọ 20 đĩa	Lọ	6	ISO 13485	Thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ phát hiện để kháng kháng sinh của tác nhân vi sinh gây bệnh
35	Độ đục chuẩn 0,5 Mc F	Ống 3ml	Ống	2	ISO 13485	Lọ thủy tinh chứa 3ml độ đục chuẩn. Dùng để thực hiện kháng sinh đồ trong các xét nghiệm
36	MIC Vancomycin	Bộ 15 test	Bộ	10	ISO 13485	Hệ thống kháng sinh đồ xác định MIC dựa trên phương pháp vi pha loãng trong môi trường lỏng. Nhằm xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của kháng sinh trên
37	GRAM	Bộ 100ml	Bộ	25	ISO 13485	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Thành phần gồm 04 loại dung dịch là
38	Que cấy nhựa vô trùng	Bịch 50 que	Que	10.000	ISO 13485	Chất liệu nhựa, màu vàng, đã vô trùng từng cái được đựng vào bao nilon riêng biệt. Bịch 50 que. Thích hợp để cấy vi sinh trong các xét nghiệm nước tiểu.
39	Que cấy nhựa đầu tròn	Bịch 50 que	Que	5.000	ISO 13485	Chất liệu nhựa, màu vàng, chưa được vô trùng. Bịch 50 que. Thích hợp để cấy vi sinh trong các xét nghiệm nước tiểu.
40	Cone lọc 1.000 µl	Hộp 96 cái	Hộp	10	ISO 13485	Hộp 96. Dùng hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cây hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử, 100%. Vô trùng bằng
41	Cone lọc 200 µl	Hộp 96 cái	Hộp	12	ISO 13485	Hộp 96 Dùng hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cây hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử, 100%. Vô trùng bằng
42	Đĩa Petri 90	Thùng 500 đĩa	Đĩa	7.000	ISO 13485	Chất liệu nhựa vô trùng 90mm, quy cách đóng gói 500 cái trong 1 thùng. Thích hợp để đổ các đĩa môi trường nuôi cấy vi sinh.
43	Tăm bông vô trùng	Bịch 50 que	Que	10.000	ISO 13485	Lấy các loại bệnh phẩm khác nhau dùng trong xét nghiệm vi
44	Tăm bông mảnh	Bịch 50 que	Que	500	ISO 13485	Chuyên dụng để lấy bệnh phẩm quệt tai – mũi – xoang, quệt mủ
45	Tăm bông vô trùng	Bịch 50 que	Que	1.500	ISO 13485	Chuyên dụng để lấy vi khuẩn trên môi trường đĩa thạch để
46	Vòng cấy định lượng	Bịch 01 cái	Cái	10	ISO 13485	Cái, không cán. Gắn vào cán sẽ thành vòng cấy định lượng hoàn chỉnh
47	Vòng cấy thường mềm	Bịch 01 cái	Cái	10	ISO 13485	Cái, không cán. Gắn vào cán sẽ thành vòng cấy hoàn chỉnh
48	Vòng cấy thường cứng	Bịch 01 cái	Cái	10	ISO 13485	Cái, không cán. Gắn vào cán sẽ thành vòng cấy hoàn chỉnh

49	Amphetamin	Hộp 50 test	Test	10.000	ISO 13485	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện amphetamin trong nước tiểu. . Nồng độ giới hạn 1000ng/ml. Dạng que nhúng kích thước 4mm. Độ chính xác 99%,
50	Methamphetamin	Hộp 50 test	Test	10.000	ISO 13485	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Methamphetamin (ma túy đá) trong nước tiểu. .
51	Marizuana	Hộp 50 test	Test	10.000	ISO 13485	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện cần sa/ bồ đề trong nước tiểu. . Nồng độ giới hạn 50ng/ml. Dạng que nhúng kích thước 4mm. Độ chính xác 100%.
	Bảng xét nghiệm sàng lọc nhiều loại thuốc (nước tiểu) (Multi-Drug	25 Test/Hộp	Test	5.000	ISO 13485	Xét nghiệm sàng lọc nhanh, một bước để phát hiện đồng thời, định tính nhiều loại thuốc và chất chuyển hóa thuốc trong nước tiểu người. Xét nghiệm miễn dịch chỉ dùng
	Que xét nghiệm HER Heroin (nước tiểu)	50 Test/Hộp	Test	10.000	ISO 13485	Xét nghiệm Heroin (Nước tiểu) là xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng chảy bên để phát hiện định tính 6- Monoacetylmorphine trong nước tiểu ở nồng độ ngưỡng là 10 ng/mL.
	Que xét nghiệm COD Codeine (nước tiểu) COD Codeine test	50 Test/Hộp	Test	10.000	ISO 13485	Xét nghiệm Codeine (Nước tiểu) là xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng chảy bên để phát hiện định tính Codeine trong nước tiểu ở nồng độ ngưỡng 300 ng/mL . Độ nhạy :
52	Túi đựng máu toàn phần	Bịch/ 10 túi	Túi	150	ISO 13485	Dụng cụ chứa máu toàn phần dùng trong truyền máu. Bằng nhựa PE an toàn sinh học
53	Giấy in ion đồ (giấy in nhiệt)	cuộn 30m	Cuộn	100	CE	Giấy in nhiệt dùng cho máy ion đồ
54	HBeAg&Ab	Hộp 96 test	Hộp	12	ISO 13485	Xét nghiệm elisa chuẩn đoán kháng nguyên nội sinh vỏ viêm gan siêu vi B. và kháng thể nội sinh vỏ viêm gan siêu vi B trong huyết thanh và huyết tương người, tích hợp
55	Đầu col vàng không khía	bịch 1000 cái	Bịch	120	ISO 13485	Đầu nhựa hút mẫu dung tích 200ul màu vàng không khía.
56	Đầu col xanh	Bịch 500 cái	Bịch	120	ISO 13485	Đầu nhựa hút mẫu dung tích 1000ul màu xanh
57	Tét nhanh xét nghiệm sốt xuất huyết	Hộp 30 test	Test	25.000	ISO 13485	Xét nghiệm nhanh chuẩn đoán kháng nguyên sốt xuất huyết ngày đầu, dạng casset, đóng gói từng test riêng lẻ. Huyết thanh, Huyết tương và 80 µl máu toàn phần
58	Tét nhanh xét nghiệm nhanh chuẩn đoán kháng thể viêm gan	Hộp 25 test	Test	1.000	ISO 13485	Xét nghiệm nhanh chuẩn đoán kháng thể viêm gan siêu vi B, dạng Casset, Độ nhạy > 98%. Độ đặc hiệu 98 %.
59	Hóa chất xét nghiệm để định lượng kháng thể viêm gan siêu	Hộp 96 test	Hộp	12	ISO 13485	Thế hệ thứ ba Enzyme Immunoassay để định lượng kháng thể viêm gan siêu vi B trong huyết thanh và huyết tương của người. Phương pháp elisa sandwich 3
60	Tét xét nghiệm nhanh chuẩn đoán kháng nguyên viêm gan siêu vi B	50 test/hộp	Test	10.000	ISO 13485	Xét nghiệm nhanh chuẩn đoán kháng nguyên viêm gan siêu vi B, Vùng cộng hợp: IgG chuột kháng HBsAg ; Vạch kết quả: IgG chuột kháng HBsAg ; Vạch chứng: IgG dê
61	Hóa chất xét nghiệm để xác định Kháng nguyên bề mặt viêm gan B	Hộp 96 test	Hộp	12	ISO 13485	Thế hệ thứ ba Enzyme Immunoassay để xác định Kháng nguyên bề mặt viêm gan B hoặc HBsAg trong huyết thanh và huyết tương của người. Phương pháp elisa
62	Tét nhanh t xét nghiệm nhanh chuẩn đoán kháng thể viêm gan	50 test/hộp	Test	5.000	ISO 13485	Xét nghiệm nhanh chuẩn đoán kháng thể viêm gan siêu vi C, Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng IgG người dạng que nhúng. Độ nhạy 100%. Độ đặc hiệu 100%,
63	Hóa chất miễn dịch phát hiện kháng thể Virut kháng viêm C gan	Hộp 96 test	Hộp	6	ISO 13485	Phiên bản 4.0. Enzyme miễn dịch phát hiện kháng thể Virut kháng viêm C gan trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp elisa sandwich 3 bước ù thời gian
64	Tét xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2	30 test/hộp	Test	8.000	ISO 13485	Định tính phát hiện và phân biệt kháng thể kháng HIV-1(Gồm tuýp O) và HIV-2 -Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần
65	Hóa chất xét nghiệm virút HIV	Hộp 96 test	Hộp	12	ISO 13485	Xét nghiệm miễn dịch enzyme thế hệ 4 cho xác định kháng thể kháng vi rút suy giảm miễn dịch ở người hoặc HIV tuýp 1&2&O và kháng nguyên P24 HIV-1
66	Kháng nguyên Widal	Bộ/8x5lọ	Bộ	6	ISO 13485	Xét nghiệm latex chuẩn đoán bệnh thương hàn phát hiện 4 loại kháng thể thương hàn O, H, AH và BH
67	Té xét nghiệm định tính kháng nguyên Malaria Pf/Pv	30 Test/Hộp	Test	200	ISO 13485	Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng nguyên các chủng virus gây bệnh sốt rét Malaria dạng Pf/Pv
68	Khay thử xét nghiệm định tính kháng	30 test/hộp	Test	6.000	ISO 13485	Định tính phát hiện kháng thể (IgG, IgM và IgA) kháng Treponema pallidum (Tp) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người

69	Ống nghiệm trắng có nắp 5ml	500ống/hộp	Ống	20.000	ISO 13485	Ống nghiệm nhựa. PS trung tính 5ml (12x75mm) có nắp màu trắng.
70	Test morphine	Hộp/ 50test	Test	10.000	ISO 13485	Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Morphin trong nước tiểu. Liên hợp kháng thể chuột đơn dòng Morphin - cộng hợp vàng.
71	Ống nghiệm nhựa 5ml không nắp	Bịch/500 ống	Ống	40.000	ISO 13485	Ống nghiệm nhựa. PS trung tính 5ml (12x75mm) không nắp
72	Ống nghiệm nhựa 7ml không nắp	Bịch/500 ống	Ống	2.000	ISO 13485	Ống nghiệm nhựa PS. trung tính 7ml (12x100mm) không nắp
73	Lọ đựng phân có chất bảo quản htm	bịch/1 lọ	Lọ	25.000	ISO 13485	Lọ đựng phân bằng nhựa PS trắng trong, nắp màu vàng, có thìa nhựa bên trong để lấy phân. Có chất bảo quản F2M màu xanh bên trong lọ để bảo quản phân tốt hơn.
74	Lọ nước tiểu tiết trùng	bịch/1 lọ	Lọ	25.000	ISO 13485	Lọ đựng bệnh phẩm 50-55ml. Nhựa PS trắng trong, nắp màu đỏ. Tiết trùng bằng tia cực tím
75	Ống HCT(ống hematocrit)	Lọ/100 ống	Lọ	2.000	ISO 13485	Ống lấy máu phân tích thể tích khối hồng cầu trong máu, lọ 100 ống.
76	Dung dịch kháng thể định danh nhóm máu A	10ml/ lọ	Lọ	120	ISO 13485	Kháng thể định danh nhóm máu A, lọ 10ml màu xanh, Nước sản xuất Đức
77	Dung dịch kháng thể định danh nhóm máu B	10ml/ lọ	Lọ	120	ISO 13485	Kháng thể định danh nhóm máu B, lọ 10ml màu vàng, Nước sản xuất Đức
78	Dung dịch kháng thể định danh nhóm máu AB	10ml/ lọ	Lọ	120	ISO 13485	Kháng thể định danh nhóm máu AB, lọ 10ml không màu, Nước sản xuất Đức
79	Dung dịch kháng thể định danh nhóm máu D	10ml/ lọ	Lọ	120	ISO 13485	Kháng thể định danh nhóm máu D, lọ 10ml không màu, Nước sản xuất Đức
80	Dung dịch Xét nghiệm định tính hòa hợp miễn dịch phát máu	10ml/ lọ	Lọ	120	ISO 13485	Xét nghiệm định tính hòa hợp miễn dịch phát máu, Coombs trực tiếp, sàng lọc, định danh kháng thể bất thường, định tính kháng nguyên Du của hệ Rh trong ống nghiệm.
81	Mission-URS 10	Hộp/ 100 Que	Hộp	50	ISO 13485	Que thử nước tiểu 10 thông số dùng cho máy đọc Mision. Hộp chứa 100 que theo thứ tự đọc của máy
82	Que thử nước tiểu 11 thông số	Hộp /150 que	Hộp	200	Iso 13485	Que thử nước tiểu 11 thông số dùng cho máy đọc Combiscreen. Hộp chứa 150 que theo thứ tự đọc của máy
83	Môi trường khô Mac conkey agar	500g/ chai	Chai	25	Iso 9001	Dạng bột đựng trong hộp 500g. Dùng pha môi trường nuôi cấy vi sinh
84	Môi trường khô Muller Hinton agar	500g/chai	Chai	25	Iso 9001	Dạng bột đựng trong hộp 500g. Dùng pha môi trường nuôi cấy vi sinh
85	Môi trường khô Saboraoud agar	500g/chai	Chai	25	Iso 9001	Dạng bột đựng trong hộp 500g. Dùng pha môi trường nuôi cấy vi sinh
86	Dung dịch nhuộm tế bào âm đạo Hematoxylin Gill 2	500ml/ chai	Chai	20	Iso 9001	Dung dịch nhuộm tế bào âm đạo
87	Dung dịch nhuộm tế bào âm đạo Papanicolaous 2a	500ml/ chai	Chai	30	Iso 9001	Dung dịch nhuộm tế bào âm đạo
88	Dung dịch nhuộm tế bào âm đạo Papanicolaous 3b	500ml/ chai	Chai	30	Iso 9001	Dung dịch nhuộm tế bào âm đạo
89	Ống nghiệm EDTA	Vì 100 cái	Cái	200.000	ISO 13485	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12x75mm) trung tính, nắp màu xanh dương. Ống nhựa chuyên dùng chứa máu có chứa dung dịch kháng đông K2-EDTA
90	Ống nghiệm Heparin	Vì 100 cái	Cái	200.000	ISO 13485	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12x75mm) trung tính, nắp màu đen. Ống nhựa chuyên dùng chứa máu có chứa dung dịch kháng đông heparin.
91	Ống nghiệm Chimigly	Vì 100 cái	Cái	24.000	ISO 13485	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12x75mm) trung tính, nắp màu xanh xám. Ống nhựa chuyên dùng chứa máu có chứa dung dịch kháng đông dùng xét nghiệm đường

92	Lam kính trơn	hộp 50 cái	Hộp	400	ISO 13485	dụng cụ chứa mẫu bằng kính trơn
93	Lam kính nhám	hộp 50 cái	Hộp	600	ISO 13485	dụng cụ chứa mẫu bằng kính có độ nhám
94	Ống nghiệm Serum	Bịch 500 ống	ống	12.000	ISO 13485	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12x75mm) trung tính, nắp màu đỏ. Ống nhựa chuyên dùng chứa máu có chứa hạt nhựa
95	Ống nghiệm citrat	Vi 100 cái	ống	50.000	ISO 13485	Ống nghiệm nhựa PP 5ml (12x75mm) trung tính, nắp màu xanh lá cây. Ống nhựa chuyên dùng chứa máu có chứa dung dịch kháng đông 0.2 ml trisodium Citrat
96	Cồn tuyệt đối	1lit/ chai	Chai	200	ISO 9001	Cồn tuyệt đối dùng trong sát khuẩn dụng cụ. Nồng độ C2H5OH >99.99%
97	Hóa chất xét nghiệm Giun đũa chó	Hộp 96 test	Hộp	25	ISO 13485	Xét nghiệm elisa định tính chuẩn đoán kháng thể Echinococcus trong máu. Phương pháp xét nghiệm elisa sandwich. Phương pháp làm 3 bước ù tổng thời gian 75 phút.
98	Hóa chất xét nghiệm Sán dải chó	Hộp 96 test	Hộp	10	ISO 13485	Xét nghiệm elisa định tính chuẩn đoán kháng thể Echinococcus trong máu. Phương pháp xét nghiệm elisa sandwich. Phương pháp làm 3 bước ù tổng thời gian 75 phút.
99	Tuýp đựng huyết thanh 1,5ml	Bịch/ 500 cái	Bịch	100	ISO 13485	tuyp đựng huyết thanh 1,5ml bằng nhựa có nắp đậy
100	Hóa chất xét nghiệm giun lươn	Hộp 96 test	Hộp	10	ISO 13485, FDA	Xét nghiệm elisa định tính chuẩn đoán kháng thể Strongyloides trong máu. Phương pháp xét nghiệm elisa sandwich. Phương pháp làm 3 bước ù tổng thời
101	Thẻ lấy mẫu hơi thở	Hộp/ 40 bộ	Bộ	250	ISO 13485	Bộ test xét nghiệm H.pylori C14 qua hơi thở. Bộ test gồm 1 viên thuốc Ure C14 và 1 thẻ để hấp thu CO2. Độ nhạy 95-100%. Độ chính xác 95%.
102	Tét xét nghiệm Phát hiện HbeAb trong máu toàn phần, huyết thanh,	50 test/hộp	Test	1.000	ISO 13485	Phát hiện HbeAb trong máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016,
103	Tét xét nghiệm Phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh	50 test/hộp	Test	1.000		Phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016

Gói 16

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng kỹ thuật
1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GLUCOSE	4x45 ml+ 4x15 ml	Hộp	60	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose Dải đo:
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm UREA	4x50ml + 4x50 ml	Hộp	50	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea Dải đo: huyết thanh: 3.0 - 50.0 mmol/L (1.8 – 300 mg/dL) ; nước tiểu: 1.18 - 667
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CREATININE	4x38ml+4x2 5ml	Hộp	60	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine Dải đo: Huyết thanh: 2.65 -2210 µmol/L (0.03 – 25 mg/dL) ;
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CHOLESTEROL	4x22,5mL	Hộp	45	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol Dải đo: 0.03 - 15.51 mmol/L (1.25 – 600 mg/dL)
5	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	4x29ml	Hộp	12	ISO 13485, ISO 9001,	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin Dải đo: 0,12-6,0 g/dl (1,2 - 60 g/L)
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST)	4x50ml+ 4x12,5 ml	Hộp	60	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST Dải đo: 6 - 800 U/L
7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT)	4x50ml+4x1 2.5ml	Hộp	60	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT Dải đo: 8-800 U/L
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	2x4x52,5ml	Hộp	18	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin Direct Dải đo: 0.68 - 172 µmol/L (0,04 - 10 mg/dL)
9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	2x4x52,5ml	Hộp	18	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin Total Dải đo : 0.3 - 517 µmol/L (0.02 – 30.0 mg/dL)

10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Gamma Glutamyl Transferase	4x40ml+ 4x40ml	Hộp	25	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm G-GT Dải đo: 2.5 – 1000 U/L
11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	4x50 ml + 4x50 ml	Hộp	28	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric acid Dải đo: huyết thanh: 29.76 - 1785 $\mu\text{mol/L}$ (0.5 – 30 mg/dL) ; nước tiểu: 23 - 32738
12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AMYLASE	4x32ml + 4X8ml	Hộp	12	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm α -Amylase Dải đo: Huyết thanh: 3.1 – 2000 IU/L; Nước tiểu: 1.6 - 4000IU/L
13	Hóa chất dùng cho xét nghiệm High-Density Lipoprotein (HDL)	4x27ml+ 4x9ml	Hộp	45	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL Cholesterol Dải đo: 0 - 4.64 mmol/L (0-180 mg/dL)
14	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Low-Density Lipoprotein (LDL)	4x27ml+ 4x9ml	Hộp	12	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDL Cholesterol Dải đo: 0 - 7,75 mmol/L (0.08 – 300.0 mg/dL)
15	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ANTISTREPTOLYSIN O (ASO)	4X25mL + 4X5mL	Hộp	6	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng : Hóa chất dùng cho xét nghiệm ASO Dải đo: 9 – 1000 IU/ml
16	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm ASO	5 x 1 x 1ml	Hộp	2	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng : Chất Chuẩn dùng cho xét nghiệm ASO Thành phần: Huyết tương người đã được lọc ở dạng lỏng, không bị tan máu, được điều
17	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase-Muscle and brain	2x24ml+2x6 ml	Hộp	18	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng : Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB Dải đo: 1.5 – 2000 U/L
18	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase-Muscle and brain	3 x 1ml	Hộp	5	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Chất chuẩn cho xét nghiệm CK-MB Chế phẩm đông khô của huyết thanh người, có chứa CK-MB của người trong dung
19	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Creatine Kinase-Muscle	2x3x2ml	Hộp	6	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Chất kiểm tra cho xét nghiệm CK-MB Chế phẩm đông khô của huyết thanh người, chứa CK-MB của người trong dung dịch
20	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lactate Dehydrogenase (LDH L-P)	4x40ml+4x4 0ml	Hộp	3	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDH L-P Dải đo: 7 -1200 U/L
21	Hóa chất dùng cho xét nghiệm IRON	4x27 ml+ 4x27 ml	Hộp	6	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Iron Dải đo: 0.87 - 178 $\mu\text{mol/L}$ (4.9 – 1000 $\mu\text{g/dL}$)
22	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CALCIUM	4 x 30ml.	Hộp	5	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm CALCIUM Dải đo: Huyết thanh: 0.0025 - 3.75 mmol/L (0.01 – 15 mg/dL);
23	Hóa chất dùng cho xét nghiệm FERRITIN	2 x 8ml + 2 x 8ml	Hộp	20	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm FERRITIN Dải đo: 5.05 - 450 $\mu\text{g/L}$ (5.05 – 450 ng/mL)
24	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm FERRITIN	5 x 1 x 1 mL	Hộp	5	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Chất chuẩn cho xét nghiệm FERRITIN Thành phần : Huyết tương người
25	Hóa chất dùng cho xét nghiệm MAGNESIUM	4X40mL	Hộp	5	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Magnesium Dải đo: Huyết thanh: 0.08 - 2.91 mmol/L (0.2 – 7.0 mg/dL); nước tiểu: 0.08 - 9.16
26	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein nước tiểu/dịch não tủy.	4x19mL+ 1x3ml Cal	Hộp	6	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urinary/CSF Protein Dải đo: 2.02 – 220 mg/dL
27	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C- Reactive Protein Latex (CRP	4X9mL + 4X9mL	Hộp	20	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP Latex Dải đo: 0.12 – 160.0 mg/L
28	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm CRP Latex	5 x 1 x 1ml	Hộp	5	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP Latex Thành phần:
29	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lactate	4x6ml + 4x6ml	Hộp	30	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng : Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lactate Dải đo: 0.04 - 13.3 mmol/L (0.4 – 120 mg/dL)
30	Hóa chất dùng cho xét nghiệm TOTAL PROTEIN	4x50ml + 4x50ml	Hộp	10	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Protein Dải đo: 1 - 120 g/L (0,10 -12 g/dL)
31	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride	4x50ml +4x12,5ml	Hộp	45	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerids Dải đo: 0.045 - 15.77 mmol/L (4-1400 mg/dL)
32	Hóa chất dùng cho xét nghiệm PHOSPHORUS	4x30ml	Hộp	5	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Phosphorous Dải đo: Huyết thanh: 0.18 – 15.0 mg/dL; Nước tiểu: 0.24 – 220.0 mg/dL

33	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng nồng độ cồn Alcohol	10x lyoph(R1)+	Hộp	25	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng : Hóa chất dùng cho xét nghiệm nồng độ Ethano Dải đo: 0.4 - 300mg/dL
34	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm Ethanol	2 x 5ml	Hộp	5	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng : Chất Chuẩn dùng cho xét nghiệm nồng độ Ethanol
35	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Ethanol	2 x 2 x 5ml	Hộp	8	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng : Chất Kiểm Tra dùng cho xét nghiệm nồng độ Ethanol
36	Hóa chất dùng cho xét nghiệm MICROALBUMIN .	4x4 ml+4x3 ml	Hộp	15	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Microalbumin Dải đo: 1.55 – 500 mg/L
37	Hóa chất chuẩn dùng cho xét nghiệm MICROALBUMIN.	5 x 1ml	Hộp	5	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất chuẩn dùng cho xét nghiệm Microalbumin
38	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy và High-	1x5ml	Lọ	80	ISO 13485, ISO 9001,	Hóa chất chuẩn dùng cho xét nghiệm sinh hóa thường quy và High-Density Lipoprotein (HDL), Low-Density Lipoprotein (LDL).
39	Hóa chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm (MALB/UPROT	2x3x3ml	Hộp	8	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất kiểm tra dùng cho xét nghiệm Microalbumin
40	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy và	1x5ml	Lọ	80	ISO 13485, ISO 9001,	Chất chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy và High-Density Lipoprotein (HDL), Low-Density Lipoprotein (LDL), mức 1.
41	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy và	1x5ml	Lọ	80	ISO 13485, ISO 9001,	Chất chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy và High-Density Lipoprotein (HDL), Low-Density Lipoprotein (LDL), mức 2.
42	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục mức 1	1x3ml	Lọ	25	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Chất kiểm tra mức 1 cho các xét nghiệm protein đặc hiệu
43	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục mức 2	1x3ml	Lọ	25	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Chất kiểm tra mức 2 cho các xét nghiệm protein đặc hiệu.
44	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục mức 3	1x3ml	Lọ	25	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Chất kiểm tra mức 3 cho các xét nghiệm protein đặc hiệu.
45	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose-6-phosphate	2 x 18 mL (R1) + 2 x	Hộp	5	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm G-6-PDH Dải đo: 43 – 3000 U/L
46	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Glucose-6-phosphate	2x0.5ml + 2x0.5ml	Hộp	2	ISO 13485, ISO 9001,	Chất Kiểm Tra dùng cho xét nghiệm nồng độ G-6-PDH
47	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Rheumatoid Factor	4 x 12 mL (R1) + 4 x 3	Hộp	18	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm Rheumatoid Factor (RF). Dải đo: 4,4 – 100 IU/mL
48	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm Rheumatoid Factor (RF)	5 x 1 x 1 mL	Hộp	4	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng : Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm Rheumatoid Factor (RF)
49	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	4 x 20 mL + 4 x 8 mL	Hộp	18	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng : Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP Dải đo: 1.3 - 300 mg/L
50	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CRP	5 x 1 x 1 mL	Hộp	5	ISO 13485, ISO 9001,	Tính năng : Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm CRP Thành phần: Huyết tương người được lọc và dịch màng phổi ở dạng lỏng, không bị tán
51	Dung dịch đệm dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải	4x2000ml	Hộp	15	ISO 13485, ISO 9001,	Dung dịch dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên máy sinh hóa AU. ISE Buffer là dung dịch nước có chứa 0,1 mol/L Triethanolami ne và chất bảo quản
52	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm khối điện giải ISE Mid Standard	4x2000ml	Hộp	15	ISO 13485, ISO 9001,	Dung dịch dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên AU. Thành phần: ISE Mid-Standard là dung dịch nước có chứa 4,3 mmol/L Na+, 0,13
53	Dung dịch tham chiếu dùng cho quá trình phân tích của khối điện	4x1000ml	Hộp	15	ISO 13485, ISO 9001,	Dung dịch tham chiếu dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên máy sinh hóa AU.
54	Chất chuẩn mức thấp dùng cho quá trình phân tích của khối điện	4x100ml	Hộp	15	ISO 13485, ISO 9001,	Dung dịch chuẩn mức thấp dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên máy sinh hóa AU .
55	Chất chuẩn mức cao dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải	4x100ml	Hộp	15	ISO 13485, ISO 9001,	Dung dịch chuẩn mức cao dùng cho quá trình phân tích của khối điện giải trên máy sinh hóa AU.

56	Dung dịch rửa dùng cho xét nghiệm điện giải.	4x100ml	Hộp	3	ISO 13485, ISO 9001,	Dung dịch rửa điện cực trên máy sinh hóa AU. Cleaning Solution là dung dịch nước có chứa 5,0% Sodium Hypochlorite.
57	Dung Dịch rửa hệ thống.	2000ml	Thùng	48	ISO 13485, ISO 9001,	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa AU. Dung dịch rửa là dung dịch nước chứa 2%Natri Hydroxit, chất hoạt động bề mặt và
Gói 17						
STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng kỹ thuật
1	Hóa chất tách chiết ADN/ ARN trên máy tự động	96 test / hộp	hộp	20	CEIVD ISO 13485	Hóa chất tách chiết ADN /ARN dùng cho máy tách chiết và pha mix tự động Sentosa SX101
2	Đầu tip 50ul trên máy SX 101	960 cái / hộp	hộp	5	ISO 13485	Thông số kỹ thuật: - Filter-Tip 1-50 µL bằng nhựa dùng cho máy tách tự động SX101
3	Đầu tip 1000ul trên máy SX 101	960 cái / hộp	hộp	15	ISO 13485	Thông số kỹ thuật: - Filter Tips 1000ul - Bằng nhựa dùng cho máy tự động SX101
4	Đĩa chứa mẫu	20 cái/ hộp	hộp	6	ISO 13485	Thông số kỹ thuật: - Khuấy đựng mẫu 96 giếng bằng nhựa dùng cho máy tách tự động Sentosa 101
5	Máng đựng hóa chất 100ml cho máy SX 101	50 cái / hộp	hộp	1	ISO 13485	Thông số kỹ thuật: - Khay đựng mẫu 100ml bằng nhựa dùng cho máy tách tự động Sentosa 101
6	Máng đựng hóa chất 30ml cho máy SX 101	50 cái / hộp	hộp	1	ISO 13485	Thông số kỹ thuật: - Khay đựng mẫu 30ml bằng nhựa dùng cho máy tách tự động Sentosa 101
7	Đĩa thu hồi mẫu	80 cái / hộp	hộp	2	ISO 13485	Thông số kỹ thuật: - Khay thu hồi nucleic acid bằng nhựa dùng cho máy tách tự động Sentosa SX 101
8	Đĩa PCR	24 cái / hộp	cái	96	ISO 13485	Đĩa PCR dạng rotor 72 giếng dùng cho máy RT PCR Roto gene
9	Miếng dán đĩa PCR	60 cái / hộp	cái	120	ISO 13485	Miếng dán đĩa PCR 72 giếng dùng cho máy RT PCR Roto gene
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng HCV bằng kỹ thuật RT-PCR	50 test / hộp	hộp	20	ISO 13485	Bộ xét nghiệm định lượng RNA Virus viêm gan C (HCV) trong mẫu huyết thanh người bằng phương pháp Real Time PCR
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng HBV bằng kỹ thuật RT-PCR	50 test / hộp	hộp	20	ISO 13485	Bộ xét nghiệm định lượng ADN Virus viêm gan B (HBV) trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người bằng Real -time PCR
12	Hóa chất định lượng HBV Real time PCR	96 test / hộp	test	480	ISO 13485	- Bộ kit phát hiện định lượng HBV DNA bằng Real-time PCR - Phát hiện các type (Genotype) : A-I
13	Hóa chất định lượng HCV Real time PCR	96 test / hộp	test	480	ISO 13485	- Bộ kit phát hiện định lượng HCV RNA bằng Real-time PCR - Phát hiện các type (Genotype) : 1-7
14	Hóa chất xét nghiệm định tuyp HPV bằng kỹ thuật RT-PCR □	50 test / hộp	hộp	15	ISO 13485	Dùng xét nghiệm định tuyp HPV High Risk & 16, 18 từ mẫu dung dịch phết cổ tử cung, mẫu sinh thiết cổ tử cung bằng kỹ thuật Real-time PCR.
15	Bộ xét nghiệm định tính DNA Human Papilloma virus (ABT®)	50 test / hộp	hộp	15	ISO 13485	Mục tiêu: Bộ kit được sử dụng để phát hiện sự hiện diện của HPV- DNA có trong mẫu được ly trích từ mẫu dịch phết/sinh thiết cổ tử cung bằng kỹ thuật Real-time PCR.
16	Bộ xét nghiệm định tính DNA vi khuẩn/GBS bằng kỹ thuật RT-PCR	50 test / hộp	hộp	8	ISO 13485	Mục tiêu: Bộ kit xét nghiệm phát hiện sự hiện diện của GBS bằng kỹ thuật realtime PCR.
17	Bộ thu thập mẫu cho xét nghiệm HPV	20 cái/ hộp	hộp	50	ISO 13485	Thông số kỹ thuật que thu mẫu: Chất liệu: Đầu lấy mẫu được làm bằng PE+ tay cầm lấy mẫu và ống đẩy được làm
18	Hóa chất tách chiết DNA/ RNA	50 test / hộp	hộp	25	ISO 13485	Công nghệ tách chiết DNA/RNA sử dụng cột silica. Không chứa hóa chất độc hại như Phenol, Chloroform. Cung cấp bao gồm Ethanol để
19	Kit tách chiết DNA/ RNA bằng phương pháp cột silica	50 test / hộp	hộp	25	ISO 13485	Công nghệ tách chiết DNA/RNA sử dụng cột silica. Không chứa hóa chất độc hại như Phenol, Chloroform. Cung cấp bao gồm Ethanol để

20	Đầu côn có lọc 10ul	96 cái / hộp	hộp	42	ISO 9001	Filter tip bằng nhựa có đầu lọc, được tiệt trùng, thể tích hút 10ul
21	Đầu côn có lọc 20ul	96 cái / hộp	hộp	42	ISO 9001	Filter tip bằng nhựa có đầu lọc, được tiệt trùng, thể tích hút 20ul
22	Đầu côn có lọc 100ul	96 cái / hộp	hộp	42	ISO 9001	Filter tip bằng nhựa có đầu lọc, được tiệt trùng, thể tích hút 100ul
23	Đầu côn có lọc 200ul	96 cái / hộp	hộp	42	ISO 9001	Filter tip bằng nhựa có đầu lọc, được tiệt trùng, thể tích hút 200ul
24	Đầu côn có lọc 1000ul	96 cái / hộp	hộp	84	ISO 9001	Filter tip bằng nhựa có đầu lọc, được tiệt trùng, thể tích hút 1000ul
25	ống đựng mẫu 0,1ml	20000 cái / thùng	cái	4000	ISO 9001	Ống nghiệm đựng mẫu có nắp bằng nhựa dạng đơn-0.1ml
26	ống đựng mẫu 0,2ml	20000 cái / thùng	cái	4000	ISO 9001	Ống nghiệm đựng mẫu có nắp bằng nhựa dạng đơn-0.2ml
27	ống ly tâm 1.5 ml	10000 cái / thùng	cái	4000	ISO 9001	Ống nghiệm ly tâm nhựa dạng đơn-1,5 ml □
28	Dung dịch khử nhiễm	500 ml / chai	hộp	5	ISO 13485	Dung dịch dùng để khử enzyme AND / ARN Quy cách : 500ml / chai

Gói 18

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng kỹ thuật
1	Ống hút tai	Cái	Cái	10	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 2.0mm Chất liệu: Thép y tế không rỉ, an toàn.
2	Ống hút tai	Cái	Cái	10	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 1.2mm Chất liệu : Thép y tế không rỉ, an toàn.
3	Kẹp bông phẫu thuật Jansen	Cái	Cái	10	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 16cm Chất liệu : Thép y tế không rỉ, an toàn
4	Kẹp phẫu thuật Kelly cong nhẹ	Cái	Cái	03	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 22cm Chất liệu : Thép y tế không rỉ, an toàn.
5	Kẹp phẫu tích Beer	Cái	Cái	10	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 9cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ, an toàn.
6	Kẹp chắp phẫu thuật Desmarres	Cái	Cái	05	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 9cm, Chất liệu: Bằng thép y tế ,không rỉ,an toàn.
7	Kẹp chắp phẫu thuật Lambert □	Cái	Cái	05	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước :9cm Chất liệu: Thép y tế, không rỉ ,an toàn.
8	Cán dao mổ Standard □	Cái	Cái	20	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : size 3 Chất liệu: Thép y tế, không rỉ ,an toàn.
9	Dụng cụ nâng vách ngăn phẫu thuật Freer 2 đầu □	Cái	Cái	20	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước :18cm Chất liệu : Thép y tế, không rỉ,an toàn.
10	Mặt gương nha □	Cái	Cái	100	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước :22 mm Chất liệu: Thép y tế, không rỉ,an toàn.
11	Dụng cụ bẩy răng Bein	Cái	Cái	20	ISO 9001 ISO 13485	Chất liệu: Thép y tế, không rỉ,an toàn. Sử dụng dùng tách rời răng khỏi xương ổ, nối lỏng dây chằng nha chu, thuận lợi cho
12	Kéo phẫu thuật Iris thẳng	Cái	Cái	130	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 11.5cm Chất liệu: Thép y tế, không rỉ, an toàn.

13	Kẹp phẫu thuật Standard Slender 1x2T	Cái	Cái	130	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 14cm Chất liệu: Thép y tế, không rỉ,an toàn.
14	Kẹp phẫu thuật Collier-Crile thẳng	Cái	Cái	130	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 16cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ,an toàn.
15	Kẹp phẫu thuật Collier-Crile thẳng	Cái	Cái	100	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 16cm Chất liệu: Thép y tế, không rỉ,an toàn.
16	Kẹp phẫu thuật Collier-Crile thẳng	Cái	Cái	100	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 16cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ,an toàn.
17	Kẹp phẫu thuật Kocher (Censner) thẳng	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 16cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ,an toàn.
18	Kẹp phẫu tích Standard	Cái	Cái	100	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 16cm Chất liệu : Thép y tế không rỉ,an toàn.
19	Kẹp phẫu thuật Standard Slender 1x2T	Cái	Cái	100	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 16cm Chất liệu: Thép y tế, không rỉ,an toàn.
20	Kéo phẫu thuật Iris thẳng	Cái	Cái	200	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước: 10.5cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ,an toàn.
21	Kẹp kim phẫu thuật Mayo-Hegar thẳng □	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước :16cm Chất liệu: Thép y tế, không rỉ , an toàn.
22	Kéo phẫu thuật Metzenbaum cong	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 15cm Chất liệu: Thép y tế, không rỉ,an toàn.
23	Kéo phẫu thuật Mayo thẳng	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 16cm Chất liệu : Thép y tế không rỉ,an toàn.
24	Kẹp phẫu tích Adson-Micro □	Cái	Cái	30	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước :1x2T 12cm Chất liệu: Tthép y tế không rỉ.
25	Kẹp phẫu thuật Collier-Crile cong □	Cái	Cái	30	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước :14cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ,an toàn.
26	Kẹp bông phẫu thuật Foerster có răng, thẳng □	Cái	Cái	10	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước :25cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ, an toàn.
27	Kẹp phẫu thuật Collier-Crile thẳng □	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước :16cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ, an toàn.
28	Cán dao mổ Standard □	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : size 3 Chất liệu : Thép y tế không rỉ, an toàn.
29	Kéo phẫu thuật Metzenbaum 1 mô cong	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước: 18cm Chất liệu làm bằng thép y tế không rỉ.
30	Kéo phẫu thuật Grazi 1mặt tù thẳng	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 14cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ,an toàn.
31	Kẹp phẫu tích Standard Slender	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 1x2T 16cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ, an toàn.
32	Kẹp phẫu tích Standard □	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 16cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ, an toàn.
33	Kẹp phẫu thuật Collier-Crile cong	Cái	Cái	100	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 16cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ, an toàn.
34	Bộ 2 banh phẫu thuật Farabeuf □	Cái	Cái	100	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 15cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ, an toàn.
35	Kẹp kim phẫu thuật Mayo-Hegar thẳng đầu nhỏ	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Kích thước : 18cm Chất liệu: Thép y tế không rỉ, an toàn.

36	Hộp nạp dụng cụ 500-110-40mm (đỏ/ xanh) KYE	Cái	Cái	50	ISO 9001 ISO 13485	Chất liệu : Làm bằng nhôm Anodized dày 2mm, có hệ thống bộ lọc . Tái sử dụng nhiều lần.
37	Bàn chải trắng Dùng vệ sinh rửa tay trước khi	Cái	Cái	10	ISO 9001 ISO 13485	Sử dụng dùng làm sạch sâu, loại bỏ vi khuẩn, chuẩn bị cho quá trình sát khuẩn, đảm bảo vô trùng.
38	Móc lấy dị vật tai (Coret dị vật)	Cái	Cái	10		Sử dụng dùng lấy dị vật ra khỏi tai, làm sạch tai, hỗ trợ điều trị một số bệnh lý tai.
39	Chén inox (03) (Inox 304) Ø 85x40mm	Cái	Cái	130		Sử dụng dùng chứa dụng cụ y tế nhỏ, chứa mẫu bệnh phẩm, chứa hóa chất, đựng bông gạc, băng gạc.
40	Khay quả đậu lớn (Inox 304) 800ml	Cái	Cái	130		Sử dụng dùng đựng dụng cụ y tế, chứa mẫu bệnh phẩm, đựng vật tư tiêu hao, đựng hóa chất.
41	Mâm CN (Inox 304) 22x32x2cm	Cái	Cái	150		Sử dụng dùng đựng dụng cụ y tế, chứa mẫu bệnh phẩm, đựng vật tư tiêu hao, đựng hóa chất.
42	Khay quả đậu lớn (Inox 304) 800ml	Cái	Cái	50		Sử dụng dùng đựng dụng cụ y tế, chứa mẫu bệnh phẩm, đựng vật tư tiêu hao, đựng hóa chất.
43	Hộp gòn trung đúc (Inox 304) 8.5x6.5cm	Cái	Cái	300		Sử dụng dùng đựng bông gòn, đựng bông tẩm cồn, đựng các vật dụng nhỏ khác.
44	Cắm pen cao (Inox 304) 5x16cm	Cái	Cái	50		Sử dụng dùng đựng các dụng cụ y tế nhỏ, phân loại dụng cụ, bảo quản dụng cụ, tạo môi trường làm việc gọn gàng.
45	Chén inox (03) (Inox 304) Ø 85x40mm	Cái	Cái	300		Sử dụng dùng chứa dụng cụ y tế nhỏ, chứa mẫu bệnh phẩm, chứa hóa chất, đựng bông gạc, băng gạc.
46	Cắm pen cao (Inox 304) 5x16cm VSI-CP5C304	Cái	Cái	10		Sử dụng dùng đựng các dụng cụ y tế nhỏ, phân loại dụng cụ, bảo quản dụng cụ, tạo môi trường làm việc gọn gàng.
47	Hộp CN lớn (Inox 304) 23x11x5cm	Cái	Cái	100		Sử dụng dùng đựng dụng cụ y tế, chứa mẫu bệnh phẩm, đựng vật tư tiêu hao, đựng hóa chất.
48	Hộp CN trung (Inox 304) 19x9x4cm	Cái	Cái	100		Sử dụng dùng đựng dụng cụ y tế, chứa mẫu bệnh phẩm, đựng vật tư tiêu hao, đựng hóa chất.
49	Ly inox LYINOX 4*6cm	Cái	Cái	50		Sử dụng dùng đựng dụng cụ y tế nhỏ, chứa mẫu bệnh phẩm nhỏ, đựng hóa chất.
50	Khay quả đậu trung (Inox 304) 400ml	Cái	Cái	50		Sử dụng dùng đựng dụng cụ y tế, chứa mẫu bệnh phẩm, đựng vật tư tiêu hao, đựng hóa chất.

Gói 19

STT	Tên hàng hóa	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn	Tính năng kỹ thuật
1	Dung dịch rửa máy điện giải	Hộp 50 ml	Hộp	12	ISO 13485	TĐược sử dụng để làm sạch đầu dò mẫu và điện cực
2	Dung dịch rửa điện cực Na	Hộp 100 ml	Hộp	12	ISO 13485	Tung dịch Condition Na Solution sử dụng để hiệu chỉnh điện cực Natri trong máy xét nghiệm điện giải Biolyte 2000
3	Điện cực xét nghiệm định lượng Chloride	Hộp 2 chiếc	Chiếc	4	ISO 13485	Dùng cho việc định lượng clorua trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, máu toàn phần và dịch não tủy bằng máy xét nghiệm điện giải Biolyte 2000
4	Điện cực xét nghiệm định lượng Kali	Hộp 1 chiếc	Chiếc	4	ISO 13485	Dùng cho việc định lượng kali trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, máu toàn phần và dịch não tủy bằng máy xét nghiệm điện giải Biolyte 2000
5	Điện cực xét nghiệm định lượng Natri	Hộp 1 chiếc	Chiếc	4	ISO 13485	Dùng cho việc định lượng natri, trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, máu toàn phần và dịch não tủy bằng máy xét nghiệm điện giải Biolyte 2000
6	Điện cực chuẩn	Hộp 1 chiếc	Hộp	4	ISO 13485	Điện cực tham chiếu

7	Bộ thuốc thử cho máy điện giải	Hộp 1 bộ	Hộp	48	ISO 13485	Hộp hóa chất 750ml bao gồm Standard A 400ml, Standard B 150ml, Reference solution 200ml sử dụng trong chuẩn đoán in vitro, nhằm định lượng Natri, Kali, Clo
---	--------------------------------	----------	-----	----	-----------	---

Ghi chú:

Các thông số, tính năng và tiêu chuẩn chất lượng chỉ mang tính chất minh họa cho một loại hàng hóa cụ thể, nhà cung cấp có thể gửi các loại hàng hóa khác có các thông số, tính năng kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn.

Các báo giá có ghi tổng giá trị các mặt hàng

